WRITING TASK 1 - HOW TO DESCRIBE YOUR DATA - CÁCH MIÊU TẢ DỮ LIỆU CƠ BẢN TRONG GRAPH 2

WRITING TASK 1 - HOW TO DIVERSIFY YOUR SENTENCE STRUCTURES - ĐA DẠNG CẤU TRÚC CÂU KHI

MIÊU TẢ DỮ LIỆU 6

PARAPHRASING IN WRITING 9

WRITING TASK 1: LÀM SAO ĐỂ VIẾT MỞ BÀI TRONG VÒNG "2 PHÚT" 14

WRITING TASK 1 - 3 CẤU TRÚC "ĐƠN GIẢN" GIÚP BẠN NÂNG CẤP BAND ĐIỂM 20

WRITING TASK 1 - CÁC CÁCH MÔ TẢ SỐ LIỆU 25

CÁC LỖI PHỔ BIẾN THƯỜNG GẶP TRONG IELTS WRITING 29

LỖI VIẾT CÂU THƯỜNG GẶP TRONG VĂN VIẾT - FRAGMENT SENTENCES 34

WRITING TASK 2 - HOW TO IMPROVE YOUR SENTENCES - CÁCH NÂNG CẤP CÂU ĐỂ TĂNG ĐIỂM 45

WRITING TASK 2 - BRAINSTORMING 50

WRITING TASK 2 - CẤU TRÚC 1 ĐOẠN VĂN 53

KHÁC BIỆT GIỮA BÀI VIẾT BAND 7.0 VÀ BAND 8.0 – LÀM THẾ NÀO ĐỂ VIẾT MỘT ĐOẠN VĂN MẠCH LẠC & CHẶT CHẼ 57

HOW TO AVOID PERSONAL LANGUAGES IN ACADEMIC WRITING 61

WRITING TASK 1 - HOW TO DESCRIBE YOUR DATA - CÁCH MIÊU TẢ DỮ LIỆU CƠ BẢN TRONG GRAPH

Xin chào các bạn, ngày hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau học cách viết câu miêu tả dữ liệu cơ bản trong graph của phần Writing Task 1 nhé!

Trong Writing Task 1, các bạn sẽ phải tóm tắt lại các thông tin, dữ liệu được thể hiện trong đề bài (summarize the information) và đưa ra các so sánh về chúng (make comparisons). Để đạt được yêu cầu thứ nhất, bạn cần miêu tả được các thông tin bạn nhìn thấy trong chart. Tuy nhiên rất nhiều bạn gặp khó khăn khi thực hiện yêu cầu đơn giản này. “Em không biết phải miêu tả những gì”, “Em luôn chỉ viết được nó tăng lên hạ xuống nên câu rất ngắn”, “Cô giáo em hay nói rằng câu của em ít dữ liệu”. Tuy nhiên các bạn không cần lo lắng quá nhiều, bây giờ chúng ta sẽ cùng giải quyết những vấn đề này nhé.

Đầu tiên chúng ta hãy cùng xem một graph sau đây:

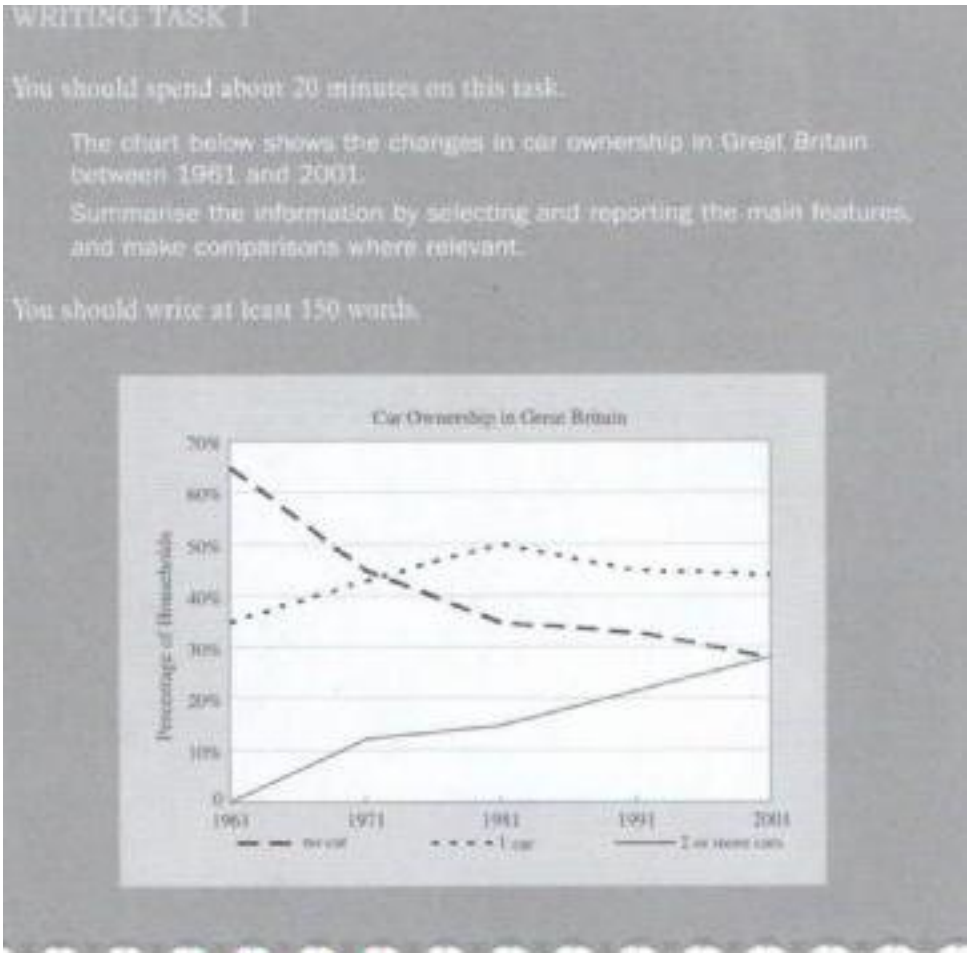

Chúng ta hãy cùng phân tích dữ liệu của tỉ lệ phần trăm số hộ có 1 xe ô tô từ năm 1961 đến 1981. Có thể thấy rõ ràng rằng trong vòng 20 năm kể từ 1961 số liệu này tăng lên từ khoảng 35% đến 50%.

Sau đây sẽ là các bước để chúng ta miêu tả thông tin này:

Bước 1: **State a fact** (Đưa ra một thông tin bạn nhìn thấy)

Trong trường hợp này, fact chính là tỉ lệ phần trăm số hộ có 1 xe ô tô tăng lên từ năm 1961 đến 1981.

- Tỉ lệ phần trăm: the percentage; proportion, rate, share
- Có, sở hữu: own; have, with…
- Sự dụng dạng tắt v-ing của mệnh đề quan hệ which: households which own one car → households owning one car…

- Tăng lên: increase; go up; rise…
- Từ năm 1961 đến 1981: from 1961 to 1981; between 1961 and 1981.

Bước 2: Viết câu dựa trên những thông tin sẵn có

=> The percentage of households owning one car increased between 1961 and 1981.

Bước 3: **Add numbers** (Thêm số liệu)

Trong câu vừa rồi chúng ta mới chỉ nói rằng phần trăm số hộ có 1 xe ô tô tăng lên mà chưa chỉ ra rõ ràng tăng lên bao nhiêu hay tăng từ bao nhiêu đến bao nhiêu. Trong khi miêu tả chúng ta nên thêm các số liệu để khiến cho câu miêu tả trở nên rõ ràng hơn. Luôn ghi nhớ "nói có sách, mách có chứng" nhé!

=> The percentage of households owning one car increased **from 35% to 50%** between 1961 and 1981.

<u>*Lưu ý:</u>

Luôn để ý xem liệu số liệu các bạn thêm vào có phải là số liệu chính xác (exact number) hay không nhé. Nhiều khi các mốc số liệu chỉ là khoảng ước chừng nên chúng ta cần thêm các từ chỉ sự ước lượng (about; around; nearly; approximately…) để việc miêu tả số liệu trở nên chính xác hơn.

Ví dụ như trong trường hợp trên, 35% chỉ là khoảng ước lượng chứ không có mốc chỉ chính xác 35 trên trục tung => Cần thêm từ chỉ sự ước lượng.

=> The percentage of households owning one car increased from about 35% to 50% between 1961 and 1981.

Bước 4: **Add an adverb** (Thêm trạng từ)

Đa phần khi viết chúng ta thường chỉ miêu tả về bản chất của sự thay đổi (tăng lên, giảm đi, giữ nguyên…) mà quên mất miêu tả về **tính chất** của chúng (ổn định, đáng kể, vừa phải…). Việc thêm trạng từ để bổ sung ý nghĩa cho động từ không chỉ giúp các bạn miêu tả thông tin một cách chính xác hơn mà còn thể hiện rằng hiểu thông tin kĩ lưỡng.

Trong ví dụ trên, ta thấy rằng sự tăng lên là **đều đặn** trong vòng 20 năm từ 1961. Như vậy ta có thể dùng trạng từ ***steadily*** để diễn đạt điều này.

=> The percentage of households owning one car increased **steadily** from about 35% to 50% between 1961 and 1981.

Như vậy, chỉ với 4 bước cơ bản chúng ta đã có thể viết được một câu miêu tả thông tin cơ bản cho graph.

Bước 1:

The percentage of households owning one car – số % các hộ gia đình có 1 xe ô tô

Increased between 1961 and 1981: tăng trong khoảng thời gian từ 1961 đến 1981.

Bước 2:

The percentage of households owning one car increased between 1961 and 1981.

Bước 3:

=> The percentage of households owning one car increased from about 35% to 50% between 1961 and 1981.

Bước 4:

=> The percentage of households owning one car increased steadily from about 35% to 50% between 1961 and 1981.

Luyện tập

Sau đây là một vài thông tin trong bài, các bạn hãy áp dụng 4 bước trên để viết thành câu nhé.

1. Tỉ lệ phần trăm các hộ không có xe ô tô giảm đáng kể từ khoảng 65% xuống khoảng 45% giữa năm 1961 và 1971.

2. Tỉ lệ phần trăm các hộ có 1 xe ô tô giảm nhẹ từ 50% xuống khoảng 43% giữa năm 1981 và 2001

3. Tỉ lệ phần trăm các hộ có từ 2 xe trở lên tăng đáng kể từ khoảng 15% đến gần 30% giữa năm 1981 và 2001

Hẹn gặp lại các bạn!

WRITING TASK 1 - HOW TO DIVERSIFY YOUR SENTENCE STRUCTURES - ĐA DẠNG CẤU TRÚC CÂU KHI MIÊU TẢ DỮ LIỆU

Trong chuyên mục trước, chúng ta đã cùng học cách viết một câu miêu tả dữ liệu đơn giản. Tuy nhiên trong khi viết writing task 1 chúng ta cần phải đa dạng cấu trúc câu miêu tả. Hãy thử tưởng tượng nhé! Trong Task 1 chúng ta viết tối thiểu 150 từ nghĩa là tương đương với khoảng 13 câu. Nếu câu nào miêu tả dữ liệu các bạn cũng dùng cách như trên thì bài sẽ rất đơn điệu và dẫn đến việc điểm cho tiêu chí **Grammartical range and accuracy** bị thấp.

Vậy thì làm thế nào để có thể đa dạng được việc miêu tả dữ liệu? Sau đây mình sẽ hướng dẫn các bạn một số cách đơn giản nhé!

Trước hết hãy nhớ lại câu chúng ta đã viết trong bài học trước:

The percentage of households owning one car increased steadily from about 35% to 50% between 1961 and 1981.

Vẫn cùng thông tin miêu tả như trong câu vừa rồi chúng ta có thể miêu tả theo các cách khác như sau:

1. There + be + a/an + adj + Noun

Điểm chính của cấu trúc này là sử dụng **tính từ + danh từ** (adj + Noun) thay cho **động từ + trạng từ** (verb + adverb) như trong câu gốc. Trong văn viết học thuật (academic writing) việc sử dụng danh từ rất được khuyến khích vì điều này thể hiện sự linh hoạt

trong cách sử dụng từ ngữ. Phần này được gọi cụ thể là *Nominalization*, một trong sub-criteria của phần Grammar Range and Accuracy, các bạn có thể google để tìm hiểu thêm.

Trong câu gốc cụm động từ + trạng từ là: ***increased steadily***

- Increase (v) => Increase (n) (đối với động từ increase thì động từ và danh từ có hình thức giống nhau)
- Steadily (adv) => Steady (adj)

Các bạn nên chú ý đa phần các tính từ khi thêm đuôi "ly" sẽ trở thành trạng từ.

Như vậy từ: Increase steadily => *Steady increase* (tính từ luôn đứng trước danh từ)

Ta có câu gốc được biến đổi như sau:

=> There was a ***steady increase*** in the percentage of households owning one car from about 35% to 50% between 1961 and 1981.

Note: luôn luôn chú ý mốc thời gian mà đề bài đưa ra các bạn nhé. Các bạn có thể lấy mốc thời gian hiện tại (năm 2016) để biết được thì để sử dụng phù hợp sẽ là quá khứ, hay là tương lai. Trong trường hợp này chúng ta đang nói về giai đoạn 1961 đến 1981, vì vậy phải dùng "there was…."

2. S + see/ experience/ undergo + adj + noun + magnitude of change + time.

Vẫn sử dụng cụm tính từ + danh từ như cấu trúc 1, tuy nhiên cách diễn đạt của cấu trúc 2 lại thay đổi khi sử dụng các từ see/experience/undergo.

- See (quá khứ: saw): nhìn thấy, trông thấy
- Experience (quá khứ: experienced)/ undergo (quá khứ: underwent): trải

qua. Câu gốc sẽ được biến đổi như sau:

=> The percentage of households owning one car ***experienced*** *a* ***steady increase*** from about 35% to 50% between 1961 and 1981.

Note 2: chúng ta cần lưu ý là trong trường hợp này, chúng ta đang nói về Percentage chứ không phải absolute numbers, vì vậy nếu thiếu Percentage là sai các bạn nhé.

3. A + adj + noun + in+ S be recorded.

Vẫn tiếp tục sử dụng cụm tính từ + danh từ nhưng cấu trúc 3 lại biến đổi bằng cách sử dụng động từ **record** (ghi lại, ghi nhận).

Ngoài ra, chúng ta có thể thấy rằng 2 cấu trúc bên trên đều được diễn đạt ở thể chủ động thì cấu trúc 3 lại sử dụng thể **bị động**. Việc sử dụng cấu trúc bị động trong bài viết của mình cũng là một cách được đánh giá cao trong việc nâng điểm Grammartical range and accuracy vì các bạn đang cho giám khảo thấy là các bạn có thể sử dụng các cấu trúc ngữ pháp khác nhau để diễn tả cùng một ý.

Như vậy, câu gốc sẽ được biến đổi thành như sau:

=> A steady increase in the percentage of households owning one car ***was recorded*** between 1961 and 1981.

Note 3: lưu ý là ở đây chúng ta vẫn chia động từ là "was recorded" các bạn nhé, lý do là ở đây nó được chia theo "increase" chứ không phải households

Tóm lại:

Vậy là từ một câu gốc ban đầu chúng ta đã có thể diễn đạt theo 3 cách khác nhau:

The percentage of households owning one car increased steadily from about 35% to 50% between 1961 and 1981.

=> There was a steady increase in the percentage of household owning one car from about 35% to 50% between 1961 and 1981.

=> The percentage of household owning one car experienced a steady increase from about 35% to 50% between 1961 and 1981.

=> A steady increase in the percentage of household owning one car was recorded between 1961 and 1981.

Để luyện tập thêm, các bạn hãy sử dụng các câu đã viết trong phần Practice của bài trước để biến đổi theo các cách đã học hôm nay nhé. Hẹn gặp lại các bạn trong các bài học khác về Writing nhé!

1. Tỉ lệ phần trăm các hộ không có xe ô tô giảm đáng kể từ khoảng 65% xuống khoảng 45% giữa năm 1961 và 1971.

2. Tỉ lệ phần trăm các hộ có 1 xe ô tô giảm nhẹ từ 50% xuống khoảng 43% giữa năm 1981 và 2001

3. Tỉ lệ phần trăm các hộ có từ 2 xe trở lên tăng đáng kể từ khoảng 15% đến gần 30% giữa năm 1981 và 2001

PARAPHRASING IN WRITING

Xin chào các bạn, hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu về PARAPHASING – một trong những kĩ năng quan trọng không chỉ cho Writing Task 1 mà còn cho Writing Task 2 nữa.

1. Paraphase là gì?

Paraphrase là một kĩ năng chủ đạo trong **cả 4 phần thi** của IELTS. Hiểu một cách đơn giản, paraphase nghĩa là diễn đạt cùng một ý bằng các cách khác nhau. Cụ thể hơn, có thể hiểu rằng khi các bạn paraphase, các bạn sẽ viết lại một cụm từ hoặc câu sao cho vẫn giữ nguyên ý nghĩa nhưng sử dụng các từ khác với cụm hoặc câu gốc.

+ Trong reading & listening – khả năng paraphrase giữa câu hỏi và bài đọc là 100%. Một phần lớn thành công của chúng ta trong 2 phần này phụ thuộc vào khả năng nhận diện paraphrase.

+ Trong Speaking và Writing – 2 trong 4 tiêu chí chấm điểm của chúng ta là Grammar và Vocabulary. Khả năng paraphrase thành công sẽ cho giám khảo thấy được Grammar Range và lượng Vocabulary của chúng ta bởi vì, như các bạn sẽ thấy ở phần sau đây, paraphrase không chỉ đơn thuần là biết càng nhiều từ càng tốt.

Ví dụ:

Learning IELTS at Izone is very interesting. (1)

It is exciting to study for the IELTS exam at Izone. (2)

Từ câu (1) sang câu (2), các bạn có thể thấy rằng tuy 2 câu cùng điễn đạt một ý, nhưng

+ Có sự thây đổi về cấu trúc ngữ pháp từ câu (1) sang câu (2) → tăng điểm trực tiếp Grammar.

+ Có sự thay đổi về từ vựng: Interesting → exciting và Learning IELTS → study for the IELTS exam.

2. Làm thế nào để paraphase?

Cách 1: Using synonyms *(Sử dụng từ đồng nghĩa)*

Đây là cách đơn giản nhất để paraphase. Sau khi đọc các câu gốc các bạn hãy:

+ Xác định xem các từ nào mà mình biết từ đồng nghĩa với chúng.

+ Thay thế các từ đồng nghĩa mà các bạn tìm được vào đúng vị trí của từ gốc.

Ví dụ:

In the year 2000, more than 50% of the population of Yemen was aged 14 or under.

Bước 1: Xác định xem các từ mình biết từ đồng nghĩa.

In the year 2000, more than 50% of the population of Yemen were aged 14 or under.

- At the turn of the millennium
- More than 50%: over a half of
- Population of Yemen: inhabitants of Yemen.
- Aged 14: 14 years old.

Bước 2: Thay thế các từ đồng nghĩa vào vị trí của từ gốc.

In the year 2000, more than 50% of the population of Yemen was aged 14 or under.

=> At the turn of the millennium, over a half of inhabitants of Yemen was 14 years old or under.

Chú ý:

Khi paraphase bằng cách sử dụng từ đồng nghĩa, các bạn cần chú ý chọn các từ mang "same meaning" thay vì "similar meaning" (giống nghĩa). Có 1 điều chúng ta cần lưu ý các từ thuộc dạng "similar meaning" không phải lúc cũng thay thế cho nhau được.

Chúng ta hãy cùng xem ví dụ sau:

The number of teenagers attending computer course is decreasing.

Nếu trong câu này ta thay "teenagers" bằng "young people" thì liệu có phù hợp? Chúng ta hãy cùng xem 2 ví dụ sau nhé

=> *The number of young people attending computer course is decreasing. (1)*

=> *The reason for the decline in the course popularity for these young people has yet to be determined*

Các bạn cần chú ý rằng teenager là độ tuổi từ 13 đến 19 trong khi young people lại có chỉ một khoảng rộng hơn. 20 tuổi hay 25 tuổi vẫn có thể coi là young people. Hiểu một cách đơn giản, young people có thể là teenager nhưng teenager thì không phải lúc nào cũng là young people.

Vì thế ở đây trong ví dụ (1), từ "young people" là không phù hợp. Các bạn nên thay bằng một tư khác phù hợp hơn đó là "adolescent" (thanh thiếu niên)

Đối với ví dụ (2), "young people" lại là một paraphrase hoàn toàn chấp nhận được, vì chúng ta đã dụng "these young people" để nói đến nhóm teenagers. Trong khi viết và nói, không phải lúc nào chúng ta cũng có thể nghĩ đầy đủ các synonyms cho từ cần dùng, vì vậy việc sử dụng Pronouns để thay paraphrase như trong ví dụ (2) để nối các ý của một câu là một phương pháp rất hay.

Cách 2: Change the sentence structure (Thay đổi cấu trúc câu)

a. Sử dụng chủ ngữ giả "It"

Khi đưa "It" lên làm chủ ngữ của câu chúng ta sẽ viết theo cấu trúc:

It is + adj + (for somebody) + to do something (1)

Hoặc

It is + main focus + relative clause để nhấn mạnh (2)

Hoặc

What + secondary focus + be + main focus (3)

Ví dụ: Ta có câu: *Achieving 8.0 in the IELTS exam is difficult.*

=> *It is difficult to achieve 8.0 in the IELTS exam. (1)* – sử dụng chủ ngữ giả "it is" là một cấu trúc rất hay và nó hoàn toàn có thể dùng trong cả văn cảnh nói và viết. Để mở rộng cấu trúc này, các bạn có thể sử dụng "for somebody/something"

It is difficult FOR MOST STUDENTS to achieve 8.0 in the IELTS

exam. => It is achieving 8.0 in the exam that/which is difficult (2) =>

What is difficult in the IELTS exam is achieving 8.0 (3)

Chúng ta cần lưu ý là ở đây là ở cả cấu trúc số (2) và số (3), chúng ta đang nhấn mạnh yếu tố khó khăn nhất của việc thi IELTS là đạt điểm 8.0, chứ không phải là thi IELTS nói chung, vì vậy câu số (2) và (3) sẽ có nghĩa khác một chút với câu (1).

b. Sử dụng thể bị động (passive voice)

Đa phần chúng ta có xu hướng viết câu chủ động (**S + V+ O**) vì đây là dạng đơn giản nhất và dễ viết với độ chính xác cao. Tuy nhiên khi paraphase câu các bạn có thể chuyển dạng thức của câu từ chủ động về bị động, đặc biệt là khi focus của chúng ta là Object chứ không phải Subject.

Ghi nhớ rằng khi chuyển từ chủ động về bị động, các bạn áp dụng cấu trúc:

S + V+ O => O + be + VpII + by S

Ví dụ:

Ta có câu: *Andy wrote this interesting essay.*

=> This interesting essay was written by Andy.

Trong formal Writing chúng ta sẽ sử dụng cấu trúc bị động với 2 mục đích chính (1) khiến câu trở nên “less personal” và vì thế có vẻ ít “biased” hơn và (2) nhấn mạnh vào object “this intesting essay” thay vì là người (Andy).

Luyện tập

Sử dụng chủ ngữ giả

Learning math is difficult

I think arranging flowers is not suitable for men.

Writing a poem is easy for poets

Learning history is boring for students

Sử dụng thể bị động

The police have arrested five suspects

The doctor ordered him to take a long rest

A group of students have met their friends at the rail way station

They didn't allow Tom to take these books home

Như vậy trong bài học hôm nay chúng ta đã cùng nhau học về kĩ năng Paraphase, một trong những kĩ năng vô cùng quan trọng trong kì thi IELTS. Các bạn cần lưu ý là ở trình độ viết Wiring cao hơn, chúng ta có thể sử dụng các phương pháp paraphrase trên cùng nhau trong một câu thay vì sử dụng đơn lẻ nhé. Nhưng trước khi đạt được level đó thì chúng ta hãy áp dụng từng cách đơn lẻ sao cho hiệu quả nhé.

Hẹn gặp lại các bạn trong những bài viết tiếp theo của chuyên mục Writing.

WRITING TASK 1: LÀM SAO ĐỂ VIẾT MỞ BÀI TRONG VÒNG "2 PHÚT"

Xin chào các bạn, series writing tuần này sẽ tiếp tục với bài chia sẻ về các kỹ năng để viết Introduction (mở bài) thành công trong IELTS writing task 1 nhé.

1. Cấu trúc bài Writing Task 1

Như chúng ta đều biết, với giới hạn từ trong khoảng 150-180 words của writing task 1, cấu trúc truyền thống của bài viết thông thường sẽ bao gồm 3 phần cơ bản như sau:

- **Introduction** (Mở bài) – giới thiệu nội dung chính của biểu đồ. (Về cái gì, ở đâu, khi nào, có những categories nào)
- **Overiew** (Giới thiệu các đặc điểm chính – general trend, patterns, general comparisons) – đoạn này không bao gồm số liệu)
- **Body 2 đoạn**, mô tả chi tiết nội dung và số liệu trong biểu đồ)

2. Hướng dẫn cách viết Introduction

Trong đó, phần 1: Introduction chủ yếu tập trung vào kỹ năng **Paraphrase** đề bài, mà chưa cần đi sâu vào phân tích dữ liệu của biểu đồ. Do đó, ngay sau khi nhận và nghiên cứu đề bài, các bạn có thể chỉ mất khoảng 2 phút để giải quyết xong mở bài nếu thuần thục các bước sau đây:

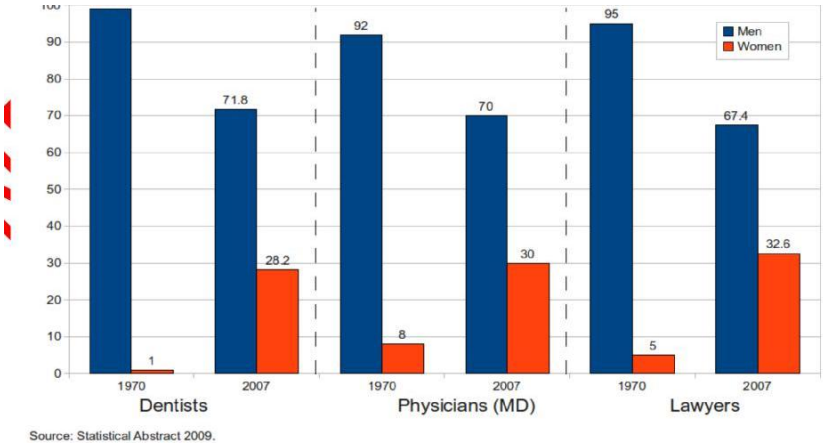

The bar chart below shows the employment of all workers by gender and occupation in the UK between 1970 and 2007.

Bước 1: Xác định các "key word"

Thông thường, khi viết một bài task 1, chúng ta sẽ bắt đầu bằng cách **gạch chân và khoanh tròn các thông tin đưa ra trong đề bài và biểu đồ** để đảm bảo chúng ta hiểu đúng đề bài đang nói gì.

The bar chart below shows the employment of all workers by gender and occupation in the UK between 1970 and 2007.

Các thông tin chúng ta cần gạch chân, phần nàythường được gọi tắt là **What - PTCU** và bao gồm:

- **What –** đề bài nói về cái gì, trong trường hợp này là **employment of all workers**
- **P – Place**: xảy ra ở đâu, trong trường hợp này là "**the UK**"
- **T – Time –** khung thời gian xảy ra (***ở đây là 2 năm 1970 và 2007***)
- **C – Categories** – có những mục nào. Trong trường hợp này, có 2 loại mục: một là **Gender** (males hoặc females) và hai là Jobs (có 3 loại: **Dentists, physicians và lawyers**)
- **U – Units** - ở đây thứ được so sánh là **percentage (%)**

Bước 2: Paraphrase đề bài

Cách 1: Thay thế các cụm gạch chân bằng các từ đồng nghĩa (synonym)

Như đã được giới thiệu trong bài Paraphrase ở các series trước, cách paraphrase đơn giản và phổ biến nhất đó là sử dụng các **từ đồng nghĩa**. Với mở bài của Writing task 1, có **một số khu vực cần paraphrase chính** mà chúng ta cần quan tâm dưới đây:

+ The bar chart below shows => The (bar) chart provides data on

+ [WHAT] the employment of all workers… in the UK (*tình trạng việc làm của tất cả công nhân… ở Anh*) => the labour force… in the UK

[CATEGORIES]

+ by gender (theo giới tính) => male and female (nam và nữ)

+ by occupation (*theo nghề nghiệp*) => based on job classification

+ [TIME] between 1970 and 2007 => the period of 1970-2007 = ➔ a sẽ dùng "in the 2 years, 1970 and 2007"

Như vậy câu mở bài gốc sẽ được chuyển thành câu mới như sau:

The bar chart below shows the employment of all workers by gender and occupation in the UK between 1970 and 2007.

⇨ The bar chart **provides data on male and female labour force based on job classification in the UK inthe period of 1970-2007**. (in the 2 years, 1970 and 2007)

Cách 2: Thay đổi vị trí của các thành phần trong câu.

Từ câu đã paraphrase phía trên, các bạn có thể tiếp tục biến đổi bằng cách đổi vị trí của cụm từ chỉ thời gian lên trước cụm chỉ nơi chốn hay việc phân chia dữ liệu theo các công việc.

⇨ The bar chart **provides data on male and female labour force, throughout the period of 1970-2007, based on job classification** in the UK.

Cách 3: Thay đổi cấu trúc ngữ pháp

Để paraphrase triệt để câu mở bài, bên cạnh việc tìm ra các cụm từ đồng nghĩa tương ứng, chúng ta cần kết hợp với việc thay đổi cấu trúc ngữ pháp trong câu.

Ví dụ,âu gốc có dạng: The bar chart below shows the employment of all workers…

S + V + **N**

Thay vì tìm từ đồng nghĩa cho cụm **"N" – the employment of all workers**, chúng ta hãy chuyển nó thành cấu trúc ngữ pháp: "**How/ How many/How much + N + V"**

+ the employment of all workers => How labor force changed

hoặc cụ thể hóa hơn bằng cách **mô tả cụ thể đơn vị của đối tượng** được đề cập trong biểu đồ**: "the amount/number/percentage/proportion/quantity of N"**

Lưu ý trong trường hợp này, đơn vị được sử dụng để so sánh ở đây là %, vậy ta có:

+ the employment of all workers => the percentage of employees who worked …

Tương tự:

+ by gender => male and female

+ by occupation => …employees who worked in different professions

+ In the UK => UK male and female

Như vậy, chúng ta có câu được paraphrase hoàn chỉnh như sau:

The bar chart below shows the employment of all workers by gender and occupation in the UK between 1970 and 2007.

⇨ The bar chart provides data on **the percentage of UK male and female employees who worked in three different professions** from 1970 to 2007

HOẶC: The bar chart illustrates **how the UK labour force changed** according to gender over the period from 1970 to 2007.

3. TỔNG KẾT & LUYỆN TẬP

Trong bài chia sẻ ngày hôm nay chúng ta đã được làm quen với 3 cách viết lại câu mở bài hiệu quả của writing task 1, đó là:

+ Dùng các từ đồng nghĩa (What-PTCU)

+ Thay đổi vị trí của các bộ phận trong câu

+ Thay đổi cấu trúc ngữ pháp

Các bạn nên chú ý dùng **kết hợp cả 3 phương pháp** trên để đạt được hiệu quả tốt nhất nhé. Và đặc biệt, cần **tránh hoàn toàn việc "COPY" lai đề bài** vì như vậy giám khảo sẽ cho rằng bạn không hề có cố gắng trong việc thể hiện kỹ năng writing. Điều này có thể ảnh hưởng kha khá đến những nỗ lực viết luận ở phần sau đấy.

CÂU INTRODUCTION	CÁC TỪ/CỤM TỪ ĐỒNG NGHĨA
Dạng biểu đồ	The line graph / The bar chart / The pie chart The table/ The diagram / process/ The map
Mô tả (động từ)	+ show(s)/ describe(s)/ indicate(s)/ illustrate(s)/ present(s)/ compare(s) + provide(s) data on/ give(s) information about
Nội dung thể hiện	Nếu số liệu trong bài đưa ra là dạng phần trăm: **+The proportion of/ the percentage of/ the rate of + N**
	Nếu số liệu trong bài đưa ra là dạng số cụ thể, đối tượng miêu tả là danh từ: + Đếm được (cars, students…): **The number of + N**

	+ Không đếm được (acid rain, pollution…): **The amount of + N** **+ The quantity/ the figure for + N:** dùng được cho cả N đếm được và không đếm được
	Dùng cấu trúc: **How/ How many/ How much + N + V**
Mốc thời gian	From… to… Between… and… During/Over the period from… and… Throughout the period 1970-1997 In 2007/ In the year 2007 In the two years, 1970 and 2007

LUYỆN TẬP: Các bạn hãy dựa vào bảng sau để tham khảo các **cụm từ đồng nghĩa phổ biến** và viết lại các câu mở bài sau một cách hợp lý nhất nhé.

1. The chart below shows average hours and minutes spent by UK males and females on different daily activities.
2. The pie charts below show the comparison of different kinds of energy production of France in two years.
3. The bar chart below shows the percentage of people in Great Britain living alone by age and sex in 2004.
4. The charts below show the types of music albums purchased by people in Britain according to sex and age.
5. The pie charts show average household expenditure in Hong Kong and Britian in 2000.

KEYS:

1/. The chart compares the average amount of time per day that men and women in the UK spend on different types of activities.

2/ The two pie charts illustrate how various sources of energy production changed in France over the period 1995 - 2005.

3/ The bar chart indicates the proportion of British men and women who lead a single life according to different age groups in the year 2004.

4/ The bar charts demonstrates different trends of British males and females spending on three kinds of music albums namely Pop, Rock and classical music according to their age groups.

HOẶC: The bar charts compare the proportion of music album sales in different genres by a variety of age groups and gender in the UK.

5/ The pie charts compare the proportion of money spent on various houshold expenses in the year 2000 between Hong Kong and Britian.

WRITING TASK 1 - 3 CẤU TRÚC "ĐƠN GIẢN" GIÚP BẠN NÂNG CẤP BAND ĐIỂM

Xin chào các bạn, tiếp tục series luyện viết cho phần thi Writing Task 1, hôm nay mình sẽ cùng các bạn tìm hiểu một số cấu trúc ngữ pháp "nâng cao" về câu phức/câu ghép "**complex/compound sentences"** trong khi miêu tả biểu đồ task 1.

1/ Câu phức (complex sentence) là gì? Tại sao chúng ta nên sử dụng chúng trong writing IELTS?

Trong các chuyên mục trước, chúng ta không chỉ học cách viết một câu miêu tả dữ liệu đơn giản mà còn học cách đa dạng hóa chúng. Nhưng như vậy đã đủ chưa? **Theo hướng dẫn chấm điểm phần Grammar của IELTS Writing**, chúng ta có thể thấy một số tiêu chí về mẫu câu để đánh giá band điểm như sau:

+ Band 6: "*Use **a mix of** simple and **complex sentences***"

+ Band 7: *"Use **a variety of complex structures**"*

Như vậy chúng ta có thể thấy "**complex sentences"** (câu phức) là một yếu tố hết sức quan trọng trong việc "nâng câp" band điểm. Do vậy, sau đây mình sẽ hướng dẫn các bạn tìm hiểu về "Complex sentence" và một số dạng câu phức hữu ích đặc biệt trong writing task 1.

Về cơ bản, **Complex sentence** (câu phức) là câu có một mệnh đề độc lập (independent clause) và một hoặc nhiều hơn một mệnh đề phụ thuộc (dependent clause).

Ví dụ: *After falling gradually in the first quarter, computers sales rose significantly again to approximately 6,000 by the end of the third quarter.*

Câu trên sử dụng:

- Mệnh đề rút gọn: **After + Ving** => **mệnh đề phụ thuộc** (mệnh đề đầy đủ sẽ là: *After **computer sales** fell gradually, they rose…*)
- "computers sales rose significantly again to approximately 6,000 by the end of the third quarter" đóng vai trò => **mệnh đề độc lập** của câu (independent clause).

2/ Một số dạng câu phức hữu ích trong Writing Task 1:

a. Sử dụng câu rút gọn dạng "V-ing"

Rất nhiều bạn khi mới bắt đầu viết writing task 1 thường có thói quen miêu tả số liệu & sự thay đổi bằng những câu đơn giản như:

Ví dụ:

Crime levels rose again in 2005. They reached a peak of 225 cases in the first quarter.

Tuy vậy, chỉ với 1 chút thay đổi nhỏ là chúng ta có thể "**nâng cấp"** các câu trên từ Simple sentence thành Complex sentence. Đầu tiên, chúng ta có thể nối 2 câu trên thông qua **mệnh đề "V-ing"** như sau:

Crime levels rose again in 2005. They reached a peak of 225 cases in the first quarter.

=> *Crime levels rose again in 2005, **reaching** a peak of 225 cases in in the first quarter*.

Lưu ý:** Đây là một dạng rút gọn (ellipsis), do đó cấu trúc các bạn chỉ được dùng khi có **cùng chủ ngữ (Crime levels = They)

Thật đơn giản phải không nào, chúng ta hãy cùng đến với cấu trúc "nâng cấp câu" tiếp theo trong phần b nhé.

b. Dùng câu rút gọn, dạng "With + V-ing"

Ví dụ:

There were several similarities between two sectors. The most and least important factors were the same.

Trong ví dụ trên, chúng ta thấy rằng 2 câu này có mối quan hệ bổ sung với nhau.

+ Câu 1 đề cập đến có một vài sự tương đồng khi so sánh 2 đối tượng.

+ Câu 2: Yếu tố quan trọng nhất và ít quan trọng nhất đều giống nhau.

Do vậy, chúng ta có thể nối 2 câu thông qua **mệnh đề "with"** như sau:

⇨ *There were several similarities between two sectors**, with** the most and least important factors **being** the same.*

Lưu ý: Trong mệnh đề WITH, động từ của câu sẽ tự động chuyển sang dạng: **"V-ing".** Qui tắc này áp dụng chung cho prepositions – sau các giới từ, động từ được chia ở đuôi (-ing) kể cả trong trường hợp có nouns theo sau nó.

c. Dùng các Linking devices (conjunctions) (Liên từ phụ thuộc)

Chúng ta có thể tạo ra câu phức bằng cách **nối 2 câu đơn** thông qua các **Liên từ phụ thuộc** hoặc dấu chấm phẩy **";"**.

Một số liên từ phụ thuộc (linking phrases)

- *Although; even if; even though; though; until*
- *When; whilst; whereas; while*

Ví dụ: *Internet usage in the USA rose slightly to about 56% of the population. The figure for Mexico reached just over 25%.*

Chúng ta thấy thông tin ở 2 câu trên là đối lập nên có thể dụng liên từ chỉ sự trái ngược **"although"** để nối 2 câu:

⇨ **Although** + mệnh đề phụ thuộc, mệnh đề độc lập

⇨ ***Although** Internet usage in the USA rose slightly to about 56% of the population**,** the figure for Mexico reached just over 25%.*

Chú ý: Nếu mệnh đề phụ thuộc (dependent clause) đứng đầu câu (trước mệnh đề độc lập – independent clause) thì dấu phẩy được đặt giữa hai mệnh đề, nếu ngược lại thì không có dấu phẩy giữa hai mệnh đề. Ví dụ với liên từ "while"

⇨ ***While** Internet usage in the USA rose slightly to about 56% of the population**,** the figure for Mexico reached just over 25%.*

⇨ *Internet usage in the USA rose slightly to about 56% of the population **while** the figure for Mexico reached just over 25%.*

3/ Tóm tắt & Luyện tập

Như vậy, hôm nay chúng ta đã nắm được các cách xây dựng câu phức (complex sentence) đơn giản mà hiệu quả trong task 1. Các bạn hãy cùng ôn lại thông qua ví dụ và bài tập thực hành dưới đây nhé.

Ví dụ: *Computer sales improved markly in the first quarter of 2000. They surged more than 200%.*

Nối 2 câu bằng **liên từ "when"**

Computer sales improved markly in the first quarter of 2000 ***when*** *they surged more than 200%.*

⇨ Nối bằng mệnh đề "**V-ing:**

*Computer sales improved markly in the first quarter of 2000****, surging*** *more than 200%.*

⇨ **Nối bằng mệnh đề: "With"**

*Computer sales improved markly in the first quarter of 2000****, with its figure surging*** *more than 200%.*

Bài tập: Viết lại các câu sau thành câu phức, sử dụng các cấu trúc đã học ở trên.

1. Standards in hospitals rose in the 1960s. They showed a 20% improvement over the previous decade.
2. The average number of hours children spend on computers is predicted to increase over the next 5 years. It reach a peak of 10 hours per day.
3. Sales figures for 20007 fluctuated. They were high at the beginning of the year and low at the end.
4. Sales were upward for most of the year. The profit reached a peak of 10,000 pounds in December.
5. The pattern was different. Passenger numbers dropped in summer and rose in winter.
6. Consumption of energy rose significantly. The highest point was in January.
7. The trend was clearly upward. Manufacturing costs decreased at the same time.
8. In the first quarter of 2000, purchases soared. ***Then,*** it fell back again in the next month. (Viết lại bắt đầu với: ***After + Ving***)

KEYS

1. Standards in hospitals rose in the 1960s, showing a 20% improvement over the previous decade.
2. The average number of hours children spend on computers is predicted to increase over the next 5 years, reaching a peak of 10 hours per day.
3. Sales figures for 20007 fluctuated, being high at the beginning of the year and low at the end.
4. Sales were upward for most of the year, with the profit reaching a peak of 10,000 pounds in December.
5. The pattern was different, with passenger numbers dropping in summer and rose in winter.
6. Consumption of energy rose significantly, with the highest point being in January.
7. The trend was clearly upward, with manufacturing costs decreasing at the same time.
8. After soaring in the first quarter of 2000, purchases fell back again in the next month.

WRITING TASK 1 - CÁC CÁCH MÔ TẢ SỐ LIỆU

Xin chào các bạn, hôm nay chúng ta sẽ cùng học cách để miêu tả số liệu trong phần Writing task 1 nhé.

Như các bạn đã biết trong phần thi Writing task 1, việc miêu tả các số liệu trong graph hay chart là vô cùng quan trọng. Tuy nhiên chúng ta đa phần có xu hướng đưa trực tiếp số liệu vào câu (Ví dụ: In 1982, teachers' salaries accounted for 40% of the school's spending) và ít thể hiện được sự linh hoạt trong việc thay đổi từ ngữ miêu tả số liệu.

Vậy thì số liệu sẽ xuất hiện ở vị trí nào trong câu và có những từ vựng nào giúp chúng ta làm phong phú cách miêu tả chúng? Chúng ta hãy cùng tìm hiểu nhé.

1. **Where to put the figure?**

Trên thực tế, không có quy định nào cho vị trí xuất hiện của số liệu trong câu. Điều này phần lớn phụ thuộc vào cấu trúc mà người viết sử dụng. Tuy nhiên có 02 vị trí thông dụng nhất là đầu câu và cuối câu.

a. Cuối câu

- The number of people visiting National Museum was 1 million.

- The figure for visitors to National Museum was 20%.

b. Đầu câu

- 1 million people visited National Museum.

- 20 % of people visited National Museum.

Xét về mặt nghĩa của câu, dù số liệu được đưa vào đầu câu hay cuối câu cũng không hề làm ảnh hưởng. Tuy nhiên nếu so sánh 2 nhóm này ta có thể thấy rằng việc đưa số liệu ở đầu câu sẽ giúp cho câu trở nên rõ ràng hơn và tự nhiên hơn (clearer and more natural).

2. **Một số cấu trúc miêu tả dữ liệu.**

Trong các bài viết trước chúng ta đã cùng nhau học cách viết một câu miêu tả dữ liệu và các cấu trúc khác nhau để nâng cấp câu. Các bạn cùng xem lại các bài trước để bài học liền mạch nhé

3. Một số từ vựng giúp miêu tả số liệu

a. Sử dụng phân số

Thay vì đưa ra con số cụ thể, chúng ta có thể thể hiện số liệu này dưới dạng phân số để thay thế.

Ví dụ: 25% of the population voted. => A quarter of the population voted.

b. Cách đọc phân số:

Tử số: số đếm (cardinal number) one, two, three, four….

Mẫu số: số thứ tự số thứ tự (ordinal number) – third, fourth, fifth… Khi tử số lớn hơn hoặc bằng 2 thì mẫu số ở dạng số nhiều
Ví dụ:

2 phần 3 => two thirds	33,33% => one third
10% => one tenth hoặc one out of ten	40% => two fifths
20% => one fifth	50% => a half
25% => one fourth	66.66 % => two thirds

Một số cụm ước lượng chung

50% - the majority of

80% - the vast majority of

20/30% a large proportion/percentage of

Các bạn đừng quên khi miêu tả số liệu chúng ta cần thêm các từ chỉ sự ước lượng để giúp cho thông tin miêu tả của chúng ta được chính xác nhé.

Một số từ chỉ ước lượng như:

Nhỏ hơn/Dưới	**Lớn hơn/Trên**	**Xấp xỉ**
Under	Over	Approximately
Below	Above	Roughly

Nearly = just under (gần bằng)		About Around

Lưu ý là các từ thuộc dạng "dưới" và "trên" có thể kết hợp được với "just" và "well" để chỉ mức độ nhỏ hoặc lớn hơn.

Practice:

Dựa vào biểu đồ cột sau hãy viết các câu miêu tả dữ liệu cho:

- Năm 1922, số tiền trung bình mỗi tuần phụ nữ kiếm được là 7.12 đô, bằng khoảng một nửa của đàn ông.

- Năm 1941, số tiền đàn ông kiếm được hàng tuần gấp đôi của phụ nữ, ở mức 23.39 đô

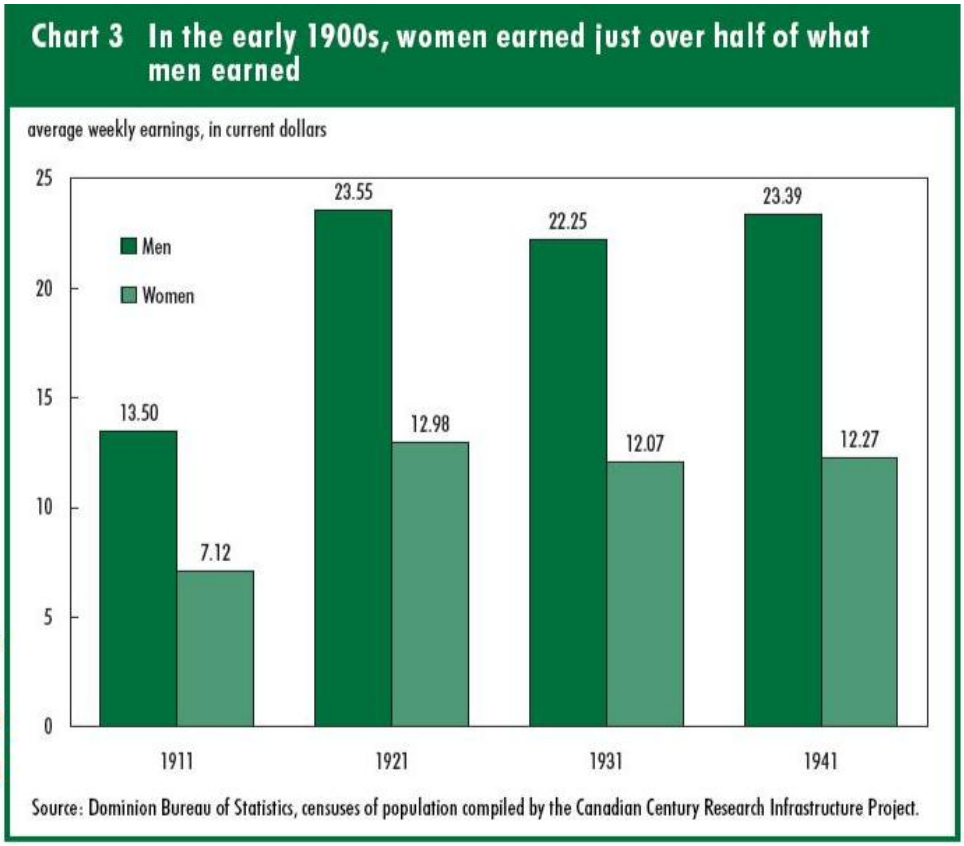

Như vậy trong bài học hôm nay chúng ta đã cùng nhau học về vị trí của số liệu trong câu và một số từ vựng giúp chúng ta tăng độ linh hoạt trong việc miêu tả số liệu. Hi vọng rằng

các bạn sẽ có thể áp dụng hiệu quả những điều này vào viết bài nhé. Hẹn gặp lại các bạn trong những bài học tiếp theo.

CÁC LỖI PHỔ BIẾN THƯỜNG GẶP TRONG IELTS WRITING

Xin chào các bạn, trong những bài học trước chúng mình đa phần học về cách để xây dựng nội dung bài viết (viết câu, viết bài) và nâng cấp band điểm. Trong bài học này chúng mình sẽ không học cách tạo lập nữa mà xem xét những vấn đề dễ mắc phải trong Writing nhé.

A/ Wordy sentences (Câu dài dòng)

Các câu được gọi là wordy sentences (dài dòng) khi chúng có quá nhiều các từ không cần thiết (useless words) cản trở và làm xáo trộn câu.

Một câu tốt phải đảm bảo được hai yếu tố: đơn giản và đi thẳng vào vấn đề (simple and direct). Nó sử dụng những từ đơn giản nhất có thể để truyền đạt cùng một ý nghĩa. Các câu wordy sẽ không đáp ứng được điều này.

Ví dụ:

For all intents and purposes, the reason *Mr. Henderson arrived late for work was* ***due to the fact*** *that he stopped at* ***very many traffic lights that were red in colour.***

Các đoạn được highlight là các đoạn có thể rút gọn được. Câu trên có tổng cộng 31 từ. Ý chính mà câu này muốn diễn đạt là ông Henderson đi làm muộn bởi vì phải dừng lại ở rất nhiều đèn đỏ.

Trong Tiếng Việt, chúng ta hay có xu hướng nói "lý do… là vì…", nhưng trong Tiếng Anh, việc viết "The reason … is because…" là thừa. Cùng một ý nghĩa đó, chúng ta có thể viết lại như sau:

Mr. Henderson arrived late for work because he stopped at many red lights. (13 từ)

Hoặc

The reason Mr. Henderson arrived late for work is (that) he stopped at many red lights. (15 từ)

Chúng ta thấy rằng câu vẫn truyền đạt được nội dung của câu bên trên mà số lượng từ lại giảm hơn một nửa (13 – 15 từ). Đồng thời câu này cũng khiến cho người đọc dễ hiểu và theo dõi hơn.

Làm sao để câu không còn bị "wordy"?

Có phương pháp chính để chúng ta khiến câu chúng ta viết trở nên concise/succinct hơn:

a/ Loại bỏ bớt các từ thừa

- Loại bỏ các thành phần không đóng góp về mặt ý nghĩa trong câu
- Loại bỏ từ theo Parallelism và nguyên tắc Ellipsis trong câu.

b/ Sử dụng các từ/cụm từ ngắn gọn để thay thế cho các cụm từ dài hơn

- Dùng affixes (bao gồm prefixes và suffixes)
- Dùng Terminologies (các từ/thuật ngữ) và Nominalization
- Dùng idioms (nên hạn chế)

c/ Trong quá trình loại bỏ từ thừa, chúng ta cần lưu ý:

- Ảnh hưởng đến ngữ pháp: nếu Chúng ta phải đánh giá liệu việc loại bỏ từ này có ảnh hưởng đến ngữ pháp của câu không.
- Chúng đóng vai trò quan trọng trong câu: Key idea, sự thật (fact), cảm giác (feeling) hoặc sự miêu tả (description).

B/ Loại bỏ các từ thừa (redundancy)

Loại bỏ các **từ không đóng góp về mặt ý nghĩa** trong câu:

a. Sử dụng 2 từ/Cụm mang cùng nghĩa

What I like about her is her thoughtfulness and consideration =>

"*Thoughtfulness"* và "*consideration"* ở đây mang cùng nghĩa.

What I need is an opportunity, a chance to make it up to you

=> 2 cụm từ "*opportunity*" và *"chance*" ở đây có nghĩa hoàn toàn giống nhau.

b. Các từ trong câu không khớp về mặt ý nghĩa

+ *From my point of view, I think* there should be a restriction on the number of cars in use => Đây là một lỗi rất phổ biến trong văn nói
+ It is necessary for all the stakeholders to *cooperate together to* find a solution => Bản thân từ "cooperate" đã mang nghĩa "together"

+ *Although we* have put a lot of efforts into preparing for the test, *but* we have failed => Lỗi về sử dụng "Athough" + But". Đồng thời do 2 câu có cùng chủ ngữ, nên vế này có thể rút gọn được nữa. Mình sẽ đề cập trong phần sau.

c. Các từ bỏ đi nghĩa của câu không thay đổi

+ The reason why he is so mean comes from his humble social background. => Thừa khi 2 vế này đi cùng nhau.
+ At first sight, the suggestion seems **to be** sensible; but later on it turns out to be a disaster. => "Seem/appear", có thể đi thẳng với tính từ đằng sau mà không cần động từ "to be"
+ For children teamwork skills to be further developed, it is necessary that they interact to each other more frequently. => Một lỗi rất phổ biến khi hành văn là chúng ta thêm "each other" vào với mục đích là "với nhau", thực ra cụm này có thể bỏ đi mà vẫn giữ nguyên nghĩa.

Pracice:

Revise these sentences to be more condense:

1. It is expected that the new schedule will be announced by the bus company within the next few days.
2. There are many ways in which a student who is interested in meeting foreign students may come to know one.
3. The reason why cheating in the exam seems to be hopeless is that the university has installed many cameras.

C/ Parallelism, ellipsis và 5 phương pháp rút gọn *I/ Parallelism là gì?*

Sự cân bằng giữa hai hoặc nhiều từ, cụm từ hoặc các mệnh đề tương đồng được gọi là parallelism (quan hệ song song).

Ví dụ 1

Chúng ta hãy cùng xem 2 câu sau:

– Nancy likes playing the piano, the trumpet and play the guitar. (1)

– Nancy likes playing the piano, the trumpet and the guitar. (2)

2 câu trên đều cùng diễn đạt một ý là Nancy thích chơi đàn piano, kèn trôm-pet và đàn guitar. Cả 2 câu đều sử dụng từ "and" để liên kết. Tuy nhiên câu số (2) trước và sau từ "and" đều là các từ đồng loại (danh từ). Còn câu số (1) thì trước "and" là danh từ nhưng sau nó lại là cụm động từ.

=> Câu số 2 có sự tương đồng và thống nhất giữa các loại từ trước và sau "**and"** => thể hiện parallelism. Đối với những trường hợp này có parallelism này, chúng ta không cần lặp lại phần giống nhau.

Ví dụ 2:

Although we have put a lot of efforts into preparing for the test, but we have failed.

Trong trường hợp này, ngoài phần "Although" và "but" không chính xác ra, chủ ngữ của 2 câu cũng bị lặp (đều là we), đo đó chúng ta có thể rút gọn chủ ngữ này bằng cách sử dụng một cohesive device khác.

⇨ Despite/albeit/notwithstanding our efforts in preparing the test, we have failed.

Ví dụ 3:

A guy irritated me today *as he* cut in line while I was waiting for the bus.

Tương tự như ví dụ trên, ở đây ta có "a guy" đóng vai trò chủ ngữ của cả 2 câu, nhưng ở đây chúng ta áp dụng dạng V-ing.

A guy irritated me today, cutting in line while I was waiting for the bus.

Ví dụ 4:

+ I am always a highly determined and dogged person. Recently, I studied relentlessly for my final (test)
+ Always someone (who is) highly determined, I recently studied relentlessly for my final (test).

Dogged và *determined* mang cùng nghĩa à chỉ dùng 1 từ. Cả 2 câu đều có cùng chủ ngữ "I". Ở đây ta dùng "someone" như một từ thay thế (substitution) của I.

Ví dụ 5:

+ It is *part of our etiquette to show some manners when we wait for the bus*. People who cut in line certainly do not know *how to be polite in public places.*
+ When waiting for the bus, it is part of our etiquette to show some manners, something/which people who cut in line are certainly ignorant of.

Ở đây 2 đoạn được in nghiêng có thông tin khá giống nhau, do đó ta đẩy về cùng một vế + sử dụng ellipsis và which.

D/ Các quy tắc về Parallelism.

Quy tắc 1: Parallelism được dùng để cân bằng (balance) danh từ với danh từ, giới từ với giới từ, mệnh đề với mệnh đề…

Quy tắc 2: Parallelism được dùng với các yếu tố liên kết với nhau bởi conjuctions

Ví dụ: My mother likes *cooking* **and** *reading.*

Quy tắc 3: Parallelism được dùng với các yếu tố được so sánh với nhau

Ví dụ: She is mad about *watching TV* more than *reading a book.*

Quy tắc 4: Parallelism được dùng với các yếu tố kết nối với nhau bằng từ nối.

Ví dụ: The teacher wants his students **not only** *to keep quiet* **but also** *to do the task*.

Practice:

Each of the following sentences lacks parallel structure. In the text boxes, rewrite the sentences using parallel structure.

1. Many players like practicing, playing and to score points.
2. Swimming, jogging and exercise in a gym improve a person's health.
3. My boss told me that I needed to report to work at 7.00 a.m, that I needed to wear a company uniform, and to know that I would need to work long shifts.

LỖI VIẾT CÂU THƯỜNG GẶP TRONG VĂN VIẾT - PHẦN 1 - FRAGMENT SENTENCES

Đối với người học IELTS thì kĩ năng Viết thường bị đánh giá là khó nhằn và "học thấy nản" hơn cả. Chưa nói đến việc viết thế nào cho "hay", chỉ đơn thuần viết cho "đúng" cũng đã gây ra không ít cản trở trên con đường chữ nghĩa của các bạn rồi. Đôi khi (và cả nhiều khi!) các bạn viết một (vài) câu mà đọc lên thấy chẳng có vấn đề gì cả, nhưng khi nhận bài chữa từ giáo viên thì lại thấy xuất hiện rất nhiều việc đáng bàn!

Vậy trong bài viết lần này, mình sẽ chia sẻ với các bạn các lỗi câu thường gặp khi viết**,** một phần giúp các bạn có thể tự kiểm tra lại "sản phẩm" của bản thân, phần khác cũng là để việc nhận bài viết chi chít lỗi của giảng viên không còn là ác mộng của các bạn nữa.

1/ Định nghĩa Câu hoàn chỉnh (Complete Sentences).

Trước khi vào phần "lỗi" câu, chúng ta cần nhận biết được thế nào một câu ĐÚNG.

Theo định nghĩa thì **một câu hoàn chỉnh** sẽ không chỉ là sự kết hợp của một nhóm các từ đi với nhau với việc viết hoa đầu câu và chấm câu ở cuối. Một câu được coi là hoàn chỉnh khi nó **hội tụ đủ 3 yếu tố sau**:

+ Chủ ngữ (Subject)
+ Vị ngữ (Predicate – bao gồm **động từ và các thành phần bổ trợ** tuỳ vào động từ và ngữ cảnh)
+ **Diễn đạt một ý nghĩ hoàn chỉnh** (người nghe đọc câu lên cảm thấy "thoả mãn" và không phải tự đặt câu hỏi cho bản thân)

Vậy một câu bị coi là ***chưa hoàn chỉnh*** (hay chưa đúng) tức là nó thiếu ít nhất 1 trong 3 yếu tố trên. Các bạn có thể hình dung việc viết câu như khi chúng ta nấu cơm vậy. Muốn nấu được cơm thì phải có 3 yếu tố: gạo, nước, và nhớ bật chế độ nấu nhé!

Dựa vào định nghĩa trên, đôi khi câu của chúng ta có thể cực kì đơn giản.

Ví dụ: A increased.

Câu ví dụ ở trên các bạn có thể thấy nó chỉ bao gồm **1 chủ ngữ và 1 động từ (có thể là ordinary verb hoặc auxiliary verb)** – 2 yếu tố cơ bản nhất nhưng lại là **2 yếu tố tiên quyết**, và quan trọng hơn là nó **diễn đạt một ý nghĩa hoàn chỉnh** (các bạn đọc lên các bạn hiểu luôn ý người viết đúng không?). Câu như trên được coi là một **MỆNH ĐỀ ĐỘC**

LẬP. Tuy nhiên trong kì thi IELTS, chúng ta không thể đạt được số điểm như ý nếu chỉ dựa vào những câu cơ bản như trên, mà các bạn sẽ phải mở rộng thành phần câu, để câu chứa đựng nhiều thông tin hơn.

Ví dụ:

A increased threefold. (1) thêm thông tin cụ thể về tăng như thế nào

A increased threefold over the course of the next four years (2). thêm thông tin cụ thể về tăng như thế nào, diễn ra trong bao lâu

After suffering from a steep decline in 1999, A increased threefold over the course of the next four years. (3) à Đưa thông tin xảy ra trước khi A tăng, sau đó nói mức độ tăng và diễn ra trong bao lâu

After suffering from a steep decline of 29% in 1999, A saw a surprising upward trend when it increased threefold over the course of the next four years, reaching a new peak of 90%. (4) đưa thông tin như câu 3, nhưng thêm vào các con số cụ thể **(29%, 90%)** và sử dụng một interpersonal tone **(Surprising).**

Như các bạn có thể thấy, khi câu của chúng trở nên phức tạp, việc tập trung vào những thành tố cơ bản trong câu và việc phát hiện lỗi câu cũng trở nên khó khăn hơn. Tuy nhiên, nếu các bạn để ý kĩ, các bạn sẽ dễ dàng nhận thấy dù câu có được mở rộng thế nào thì "nhân vật chính" của chúng ta vẫn là **"A increased"** mà thôi – 1 chủ ngữ và 1 động từ.

Vậy việc xác định được Chủ ngữ chính và Động từ chính sẽ là thủ thuật đầu tiên để các bạn phát hiện những lỗi câu cơ bản dưới đây.

2/ Sentence Fragments

Nếu các bạn tra từ điển, các bạn sẽ thấy nghĩa của từ **"fragment"** nghĩa là các "mảnh vỡ hoặc mảnh vụn của một chỉnh thể". Vậy một câu bị coi là **Sentence Fragments** là khi câu đó chưa-hoàn-chỉnh, tức thiếu đi 1 trong 3 yếu tố mình đề cập tới ở trên. Khi mắc lỗi Sentence Fragments, có thể câu của các bạn **thiếu chủ ngữ, hoặc động từ, hoặc thiếu cả chủ ngữ và động từ, hoặc đầy đủ chủ ngữ và động từ** nhưng ý nghĩa của câu chưa hoàn chỉnh!

a/ Câu thiếu chủ ngữ.

Ví dụ: Drinking beer.

Như các bạn có thể thấy, khi đọc câu trên, các bạn sẽ tự động đặt ra câu hỏi "Ai uống?" như một phản xạ. Vậy tức là các bạn chưa cảm thấy "thoả mãn" vì câu thiếu đi chủ thể của hành động.

Cách vá lỗi trong trường hợp này rất đơn giản: thiếu gì thì thêm nấy thôi. Các bạn hãy cho "mảnh câu" này của chúng ta một chủ ngữ là ổn.

Ví dụ: Dad is drinking beer.

Phewww, thoả mãn hơn nhiều đúng không? Told ya!

b/ Câu thiếu động từ.

Ví dụ: *I so handsome.*

Chờ một chút, câu này nếu dịch ra Tiếng Việt: Tôi thật đẹp troai – nghe rất ổn đấy chứ? Hey hey, nhưng trước khi "tự sướng", các bạn có nhớ tới 3 yếu tố mình đề cập đến ở trên không nhỉ? Một câu đúng phải có chủ ngữ và ĐỘNG TỪ!

Câu ví dụ của chúng ta có chủ ngữ là "I" này, trạng từ "so" này, tính từ "handsome" này. Ố, vậy động từ đâu? Nấu cơm quên đổ nước mất rồi!

Vậy cũng như lỗi thiếu chủ ngữ, các bạn thêm động từ cho câu vào là mọi thứ lại đâu vào đấy.

Ví dụ: I ***look/am*** *so handsome.*

Tuyệt vời rồi, bây giờ tự tin đăng ảnh viết caption sống ảo thôi các bạn!

Ví dụ 2: Hard work does not always translate into success. If it is, all-hard working peple would be successful. But in fact, many of them don't.

Hãy dừng lại một chút, và thử nghĩ xem câu này có vấn đề ở đâu nhé?

Tương tự ví dụ ở mục 1, nếu bạn nhìn qua, câu này có vẻ ổn về mặt ngữ pháp. Nhưng thử nghĩ xem "it is" và "many of them don't" trong câu này được nối với phần nào trong câu trước nhé.

Bạn đã tìm được câu trả lời chưa? Ở đây chính xác ra bạn phải dùng "if it does" hoặc "if it did" và "many of them are not" nhé.

c/ Câu diễn đạt chưa đủ ý (Dependent Clause Fragment).

Đây là loại câu mà dù đầy đủ cả Chủ ngữ và Động từ nhưng vẫn bị tính là câu chưa hoàn chỉnh. Trong Tiếng Việt, chúng ta có 1 loại câu ghép là Câu ghép Chính Phụ, nghĩa là câu sẽ có 2 mệnh đề, 1 chính và 1 phụ, và nếu thiếu đi mệnh đề chính thì mệnh đề phụ sẽ không diễn đạt hoàn chỉnh 1 ý tưởng.

Tương tự trong Tiếng Anh, Dependent Clause Fragment xảy ra khi một Mệnh đề phụ thuộc (mệnh đề phụ) không được kết nối với Mệnh đề độc lập (mệnh đề chính).

Ví dụ: Although I am so handsome.

Các bạn có thể thấy câu ví dụ có đầy đủ Chủ ngữ (I) và Động từ (am) nhưng rõ ràng khi đọc câu lên các bạn lại phải tự đặt câu hỏi "Ừ thì sao?" đúng không? Vậy tức là câu này chưa ổn.
Vậy vấn đề của câu này nằm ở đâu? Chính là anh chàng "Although" (vì rõ ràng mệnh đề "I am so handsome" rất ổn ở trên mà). **"Although"** thuộc nhóm **các Liên từ phụ thuộc (Subordinate Conjunctions)** dùng để mở động một Mệnh đề phụ thuộc (Dependent Clauses). Nếu bạn có vốn kiến thức kha khá về nhóm Liên từ này, các bạn đã giảm được đến 90% khả năng mắc lỗi Dependent Clause Fragment rồi đấy!

Đầu tiên, bạn cần hiểu Liên từ phụ thuộc dùng để làm gì. Chúng có 3 nhiệm vụ:

Nối 2 mệnh đề lại với nhau.

Biến 1 mệnh đề phụ thuộc vào mệnh đề còn lại để diễn đạt 1 ý hoàn chỉnh.

Cho thấy mối liên hệ giữa 2 mệnh đề với nhau là gì (thời gian, nguyên nhân – kết quả, hay nhượng bộ…)

Tiếp theo, bạn cần nhận biết được đâu là một Liên từ phụ thuộc. Các bạn tham khảo danh sách các **Liên từ phụ thuộc** dưới đây:

http://www.staff.uni-giessen.de/~ga1070/conjunctions.pdf

Và cuối cùng, cũng là quan trọng nhất, bạn cần ý thức được rằng một mệnh đề bắt đầu bằng một trong số những **Liên từ phụ thuộc theo link trên** trên LUÔN LUÔN phải đi cùng với một **Mệnh đề Độc lập** nữa, dù nó có đứng trước hay đứng sau.

Quay trở lại với ví dụ "Although I am so handsome" ở trên. Tìm cách "vá lỗi" cho anh chàng mệnh đề này nào.

Cách 1: Đau đâu chữa đấy!

Như mình đã nói, mệnh đề "I am so handsome" hoàn toàn bình thường và đúng ngữ pháp, vậy cách đơn giản nhất đó là loại bỏ phần "bất bình thường" đi là được. Trong trường hợp này chúng ta có thể say goodbye to "Although"!

Cách 2 (cách này mình khuyến khích các bạn hơn): Thiếu đâu bù đấy!

Rõ ràng chúng ta đang cần một mệnh đề chính, vậy hãy "gắn" cho "em phụ" này một "anh chính" thôi.

Ví dụ: Although I am so handsome, I still stay single.

Các bạn đọc câu đã thấy ổn hơn chưa? Thoả mãn nhỉ.

Cách 3: đổi mối quan hệ subordination bằng mối quan hệ coordination

Ví dụ: ***I am so handsome. However, I still stay single***

Ở đây chúng ta đang thay thế một "subordinate conjuctions bằng một "coordinate conjunctions". Cùng thêm một ví dụ khác để hiểu rõ hơn nhé

Ví dụ: ***As a result of losing a leg in the war, he is no longer fit for duty***

Ở đây mệnh chúng ta đang sử dụng mệnh đề phụ thuộc, nên vế "he …duty" là cần có để diễn đạt một ý hoàn chỉnh.

Nhưng ta có thể sửa mối quan hệ giữa 2 câu trên thành Coordination bằng câu sau:

He lost a leg during the war. As a result, he is longer fit for duty.

Nói tóm lại, để tránh mắc lỗi viết câu không hoàn chỉnh, các bạn cần nhớ những điều sau:

1. **ĐỪNG quên 3 thành tố cơ bản**: Chủ ngữ, Động từ và Ý hoàn chỉnh. Nhớ được 3 yếu tố này thì bạn đã đi được nửa đường rồi.
2. Tiếp đến, bạn **đọc kĩ xem câu của mình có sử dụng Liên từ phụ thuộc không**. Nếu câu trả lời là "có", hãy đảm bảo nó được liên kết với một mệnh đề độc lập khác, tức là KHÔNG BAO GIỜ Mệnh đề phụ thuộc đứng một mình nhé.

Trên đây là những chia sẻ của mình về lỗi viết câu chưa hoàn chỉnh. Mong các bạn sẽ cảm thấy nó hữu ích khi viết bài.

Cảm ơn các bạn và hẹn gặp lại các bạn trong Phần 2 của chuỗi “Lỗi viết câu thường gặp trong văn Viết”.

LỖI VIẾT CÂU THƯỜNG GẶP TRONG VĂN VIẾT PHẦN 2 - RUN-ON SENTENCES

Chào các bạn, tiếp nối chuỗi bài viết về **lỗi câu thường gặp khi viết,** hôm nay mình sẽ chia sẻ với các bạn vấn đề cơ bản thứ mà các bạn hay gặp phải trong kĩ năng Viết của 2 kì thi IELTS.

I. Run-on Sentences

Đầu tiên, có một lầm tưởng mà đa số các bạn học sinh đều mắc phải, đó là hiểu "run-on sentence" là một câu qúa dài về độ dài; một câu kéo dài đến 3 – 4 dòng trở lên. Thực ra điều này không hoàn toàn đúng: một câu dài vẫn có thể là một câu hoàn toàn ổn nếu chúng sử dụng proper punctuation (chấm câu đúng) và the right cohesive devices) – nối đúng.

Ví dụ: *Modern garments, in relation to past ones, are designed to bring a far more pragmatic value, and given that we are now living in a hectic world, the current trend in clothing would service to facilitate our role at the workplace.*

Câu trên là một câu ***hoàn toàn chấp nhận được***, mặc dù nó kéo dài đến 41 từ! *Vậy lỗi Run-on xảy ra khi nào?* Lỗi câu run-on xảy ra khi 2 mệnh đề hoàn chỉnh được **kết nối với nhau không đúng cách**, có 3 trường hợp chính sau:

1. Không sử dụng punctuation:

Ví dụ: Early exposure to violent scenes on TV can exert negative impacts on children's mental developments children should not be left watching TV unsupervised.

2. Sử dụng sai dấu câu (punctuation) Hoặc khi 2 **mệnh đề độc lập** được nối với nhau bằng **dấu phẩy** (còn gọi là COMMA SPLICE). Cá nhân mình đánh giá đây là một trong những lỗi phổ biến nhất trong các bài viết mà mình đã từng chữa.

Ví dụ: *Early exposure to violent scenes on TV can exert negative impacts on children's mental developments, children should not be left watching TV unsupervised.*

3. Sử dụng một liên từ không phù hợp để nối 2 mệnh đề độc lập khi 2 mệnh đề này liên quan đến nhau. Trong số những liên từ không phù hợp, liên từ các bạn lạm dụng nhất là "and".

Ví dụ: *Early exposure to violent scenes on TV can exert negative impacts on children's mental developments, and children should not be left watching TV unsupervised.*

Lạm dụng "and" có 2 nhược điểm chính: một là khiến câu của chúng ta nghe dài và mệt hơn, và hai là nó không thể hiện đúng mối quan hệ giữa các mệnh đề trong nhiều trường hợp. Cụ thể hơn, trong ví dụ trên, sử dụng "and" sẽ không làm rõ được mối quan hệ Causality của câu trên.

Như các bạn thấy, câu trên của chúng ta có 2 mệnh đề độc lập diễn đạt một ý tưởng hoàn chỉnh:

Câu 1: *Early exposure to violent scenes on TV can exert negative impacts on children's mental developments.*
Câu 2: *Children should not be left watching TV unsupervised.*

Và trong cả 3 ví dụ mình đưa ra phía trên, 2 câu này đều chưa được kết nối với nhau một cách hợp lí.

II. Các "vá lỗi" câu Run-on

Có một số cách để sửa lỗi run-on và thật may mắn khi những cách này lại khá đơn giản.

1. Sử dụng DẤU CHẤM PHẨY.

Các bạn đừng quên nhé, 2 mệnh đề độc lập cần phải được liên kết với nhau bằng DẤU CHẤM PHẨY hoặc dấu chấm (trong trường hợp tách ra làm 2 câu, chứ KHÔNG phải DẤU PHẨY.

Ví dụ: *Early exposure to violent scenes on TV can exert negative impacts on children's mental developments**;** children should not be left watching TV unsupervised.*

2. Sử dụng dấu phẩy trước các Liên từ Đẳng lập (for, and, nor, but, or, yet, so)

Ví dụ: *Early exposure to violent scenes on TV can exert negative impacts on children's mental developments**, so** children should not be left watching TV unsupervised.*

Lý do chúng ta phải sử dụng các liên từ đẳng lập ở trên là vì ở đây chúng ta dùng dấu phẩy; Alternatively, chúng ta có thể sử dụng một số liên từ khác nhưng sẽ phải thay đổi một chút về mặt ***punctuation.***

Ví dụ: *Early exposure to violent scenes on TV can exert negative impacts on children's mental developments, and therefore/thus/hence/accordingly, children should not be left watching TV unsupervised.*

Lưu ý là ở đây ta lồng therefore/thus/hence **giữa 2 dấu phẩy** để chỉ mối quan hệ coordination giữa 2 mệnh đề.

3. ***Sử dụng các Liên từ Phụ thuộc*** *(các bạn tham khảo tại đây: http://www.staff.uni-giessen.de/~ga1070/conjunctions.pdf)*

Ví dụ: *As/since early exposure to violent scenes on TV can exert negative impacts on children's mental developments, children should not be left watching TV unsupervised.*

Hoặc:

Children should not be left watching TV unsupervised FOR/BECAUSE early exposure to violent scenes on TV can exert negative impacts on children's mental developments.

Trong 2 câu trên, việc chúng ta nên sắp xếp câu nào trước phụ thuộc vào mạch ý chúng ta trình bày; Mạch ý này phụ thuộc vào các câu khác đi trước và đi sau câu này.

III. Cách nhận biết câu Run-on

Các bạn có thể thấy cách sửa lỗi run-on tương đối đơn giản đúng không. Tuy nhiên vấn đề là ở chỗ làm cách nào để có thể nhận biết được một câu mắc lỗi run-on nếu các bạn chưa chắc chắn. Chúng ta có 2 cách để kiểm tra:

- Biến câu trở thành câu hỏi Yes/No.
- Biến câu trở thành câu hỏi đuôi (tag question).

Sở dĩ đây là một cách kiểm tra tương đối "hiệu nghiệm" là vì câu hỏi Yes/No hay câu hỏi đuôi sẽ chỉ nghe "có lí" khi nó được thực hiên trên MỘT ý tưởng hoàn chỉnh, không phải cả câu.

Ví dụ: ***Can*** *early exposure to violent scenes on TV exert negative impacts on children's mental developments?*

Hay: *Children should not be left watching TV unsupervised,* ***should they****?*

Chứ không phải: ***Can*** *early exposure to violent scenes on TV exert negative impacts on children's mental developments children should not be left watching TV unsupervised?*

Hoặc: *Early exposure to violent scenes on TV can exert negative impacts on children's mental developments children should not be left watching TV unsupervised,* ***should they****?*

Không giống với một Mệnh đề Độc lập, các câu mắc lỗi run-on không thể qua được "bài kiểm tra" này. Bằng việc biến câu mà các bạn cảm thấy "sai sai" sang câu hỏi Yes/No hoặc Câu hỏi đuôi (tag question), nếu câu thực sự mắc lỗi run-on, các bạn sẽ nhận thấy ngay câu truyền tải nhiều hơn 1 ý tưởng hoàn chỉnh.

Trên đây là những chia sẻ của mình về lỗi viết câu **Run-on**. Mong các bạn sẽ cảm thấy nó hữu ích khi viết bài.

WRITING TASK 2 - HOW TO IMPROVE YOUR SENTENCES - CÁCH NÂNG CẤP CÂU ĐỂ TĂNG ĐIỂM

Xin chào các bạn, ngày hôm nay, chúng ta sẽ cùng học cách nâng cấp một câu sao cho phù hợp với các band điểm khác nhau trong writing IELTS task 2 nhé.

Một trong những điều chúng ta nên làm đầu tiên khi học Writing IELTS chính là xác định mục tiêu (target) mà mình muốn đạt tới (6.0 hay 7.0). Sau khi xác định được rõ mục tiêu, các bạn nên tìm đọc Writing band discriptor, đọc thật kĩ các yêu cầu cho band điểm mà mình muốn nhắm tới. Làm như vậy việc ôn luyện sẽ trở nên hiệu quả hơn vì chúng ta hiểu mình cần phải làm được điều gì để đạt được mức điểm mong muốn.

Khi examiners chấm bài của chúng ta, sẽ có 4 tiêu chí Examiners nhắm đến.

1. Task achievemnet/task response: Hiểu nôm na là ban đã trả lời đầy đủ các vế của câu hỏi đề đưa ra chưa và đối với mỗi ý đưa ra có evidence và examples để hỗ trợ đầy đủ không.

2. Coherence & Cohesion: Tính mạch lạc + chặt chẽ trong bài viết của bạn. “Bài viết của bạn có tạo thành một thể thống nhất không, có dễ đọc không và các ý có được gắn kết chặt chẽ không” là các câu hỏi giám khảo sẽ đánh giá trong phần này.

3. Lexical resource: Nói một cách đơn giản là lượng từ, tính tự nhiên và phức tạp của các từ vựng các bạn sử dụng trong phần bài viết

4. Grammartical Range and Accuracy: nói một cách đơn giản là đánh giá các cấu trúc ngữ pháp các bạn sử dụng trong bài viết.

Ddierm các bạn đạt được trong bài viết là điểm trung bình các bạn đạt được trong 4 tiêu chí trên. Ví dụ các bạn được 8.0 trong 2 phần Task response và Coherence & Cohesion; đồng thời đạt 7.0 trong phần Lexical Resource và grammartical range and accuracy thì điểm trung bình sẽ là 7.5

Đối với 2 tiêu chí Task response và Coherence and Cohesion, giám khảo sẽ phải đọc toàn bộ bài viết của các bạn để đánh giá; 2 tiêu chí còn lại (hiểu đơn giản là Vocab và Grammar) chúng ta co stheer đánh giá từng câu được. Vì vậy, hôm nay NGân sẽ cùng các bạn tập trung vào 2 tiêu chí sau và làm thế nào để có thể cải thiện một câu từ band 5.0 lên 7.0+ nhé

Band 5.0:

Ở mức điểm 5.0, câu thường có:

- **Vocab/Từ vựng**: đơn giản, phổ biến. Mức độ đa dạng của từ còn hạn chế, tuy nhiên vẫn đủ để diễn đạt ý tưởng của người viết.

- **Grammar**: Cấu trúc câu đơn giản, đa phần là câu đơn. Có thể xuất hiện các lỗi về mặt ngữ pháp, dấu câu gây ra sự khó khăn cho người đọc trong việc đọc hiểu.

Chúng ta hãy cùng xem ví dụ sau:

Governments need to spend more money on scientific research (1). So, we can reduce the effects of air travel on the environment (2).

Trong câu này ta có thể thấy rằng tuy vẫn diễn đạt được trọn vẹn ý của câu nhưng các từ vựng rất đơn giản, không có từ có mức độ học thuật cao (academic words). Người viết đã chọn cách viết 2 câu đơn. Tuy nhiên các bạn có thể thấy rằng câu (2) chỉ mục đích của hành động diễn ra ở câu (1). Như vậy chúng ta có thể kết hợp 2 câu này thành 1 thay vì tách ra làm 2 câu đơn.

Band 6.0:

Ở mức điểm 6.0, câu thường có:

- Số lượng các từ ít phổ biến (less common words) nhiều hơn so với câu ở mức điểm 5.0 (có thể sử dụng chưa thật chính xác nhưng có cố gắng, ý thức được việc sử dụng chúng). Một vài lỗi về chính tả, dạng từ nhưng không làm ảnh hưởng đến việc truyền đạt ý tưởng.

- Cấu trúc câu là câu phức kết hợp với câu đơn (thay vì đa phần là câu đơn như ở band 5.0). Có thể có một số lỗi ngữ pháp nhỏ nhưng không ảnh hưởng đến việc đọc hiểu câu.

Đối với ví dụ bên trên, chúng ta có thể có một số thay đổi như sau:

Governments need to spend more money on scientific research (1). As a result, we can reduce the effects of air travel on environment (2).

1. Vocab/Từ vựng:

- spend on something => **invest** something in something (đầu từ)

- reduce => alleviate

- effect => impact

- can => to be able to do something

=> Governments need to invest more money in scientific research. So, we are able to alleviate the impacts of air travel on the environment.

2. Grammar/Cấu trúc.

Ở mức điểm 6.0, các bạn nên hướng tới việc sử dụng câu phức. Như vậy hướng đi của chúng ta sẽ là kết hợp 2 câu đơn này thành 1.

Vì câu số (2) chỉ mục đích của hành động ở câu (1) nên chúng ta có thể dùng cấu trúc chỉ mục đích: **In order to do something**

=> Governments need to invest more money in scientific research in order to alleviate the impacts of air travel on the environment.

Band 7.0++

Ở mức điểm 7.0, câu thường có:

- Độ đa dạng về từ vựng sử dụng. Sử dụng được các less common words và chúng được sử dụng đúng phong cách cũng như kết các từ hợp đúng. Thỉnh thoảng mắc lỗi về lựa chọn từ và chính tả.

- Cấu trúc phức đa dạng, không có lỗi về ngữ pháp và dấu câu. Nếu có lỗi thì rất ít.

Đối với ví dụ bên trên: Về cơ bản, từ vựng và cấu trúc của câu đã tương đối ổn. Tuy nhiên để lên đến band 7.0++ cấu trúc và cách sử dụng từ cần thể hiện được sự phức tạp (sophistication) nhất định cũng như độ chính xác trong cách sử dụng từ cần ở mức độ cao.

Governments need to invest more money in scientific research in order to alleviate the impacts of air travel on the environment.

- **Vocab/Từ vựng - Sự kết hợp của từ:**

Chúng ta thấy rằng trong câu sử dụng động từ “need” nghĩa là “cần”. Ở trong câu này, khi sử dụng từ “need” sẽ được hiểu là chính phủ cần phải đầu tư tiền bạc. Tuy nhiên đây thực chất chỉ là một lời khuyên vì thế sử dụng từ **“should”** sẽ hợp lí hơn. Bạn không thể nói chính phủ hay ai đó cần làm gì mà chỉ nên đưa ra ý kiến dưới dạnh lời khuyên rằng nên làm gì.

- **Vocab – Thêm các modifiers**

"impact" nghĩa là sự ảnh hưởng. Tuy nhiên chúng ta có thể thấy ảnh hưởng có thể theo hướng tích cực hoặc tiêu cực. Nếu chỉ nói impact không thôi thì người đọc sẽ không nhận thức được bản chất của nó là tốt hay xấu, từ đó dẫn đến việc nghi ngờ liệu có cần thiết phải có hành động ở câu trước (đầu tư tiền bạc vào nghiên cứu) hay không. Như vậy, để làm cho rõ nghĩa, chúng ta sẽ thêm tính từ **"negative**" (tiêu cực)

=> *Governments should invest more money in scientific research in order to alleviate the negative impacts of air travel on the environment.*

Grammar – Thay đổi linh hoạt trong cấu trúc sử dụng:

Về mặt cấu trúc, thay vì hoàn toàn sử dụng thể chủ động, có thể sử dụng thể bị động để khiến cho cấu trúc câu phức tạp hơn. Câu bị động cũng là loại câu được "yêu thích" trong văn viết học thuật (academic writing) vì khả năng thể hiện sự khách quan của nó.

Governments should invest more money in scientific research=> More money should be invested in scientific researchby governments.

Ngoài việc chuyển thể bị động, chúng ta có thể thay đổi vị trí của các phần trong câu để câu trở nên hợp lí và gây chú ý hơn so với cách diễn đạt xuôi thông thường.

=> ***In order to alleviate the negative impacts of air travel on environment, more money should be invested in scientific researches by governments.***

Như vậy, trong bài học hôm nay chúng ta đã được tìm hiểu về đặc điểm của một câu ở các mức điểm 5.0, 6.0,7.0 và áp dụng vào "nâng cấp" một câu ở mức 5.0 lên 7.0.

Band 5: Từ vựng và cấu trúc đơn giản

Governments need to spend more money on scientific research. So, we can reduce the effects of air travel on the environment.

Band 6: Sử dụng các từ less common, có mức độ học thuật cao hơn, sử dụng cấu trúc câu phức.

Governments need to invest more money in scientific research in order to alleviate the impacts of air travel on the environment.

Band 7++: Từ vựng và sự kết hợp từ thể hiện được độ phức tạp và chính xác cao, cho thấy sự linh hoạt trong sử dụng cấu trúc.

In order to alleviate the negative impacts of air travel on environment, more money should be invested in scientific researches by governments.

Hi vọng rằng các bạn sẽ ghi nhớ được đặc điểm và cách thức để áp dụng vào bài viết của mình nhé. Hẹn gặp lại các bạn!

WRITING TASK 2 - BRAINSTORMING

Xin chào các bạn, mình là Ngân Nguyễn đến từ Izone/Chia sẻ chiến lược thi IELTS. Ngày hôm nay mình sẽ cùng các bạn phân tích, hình thành ý tưởng để viết bài cho đề thi viết IELTS task 2 (thêm ngày) nhé!

Topic: More and more young people from wealthy countries are spending a short time doing unpaid work such as teaching or building houses for communities in poorer countries. What are the reasons for this? Who benefits more from this? The communities or these young people?

Bước 1: Xác định keywords và yêu cầu của đề

Thông thường sau khi nhận được đề rất nhiều bạn có xu hướng nhớ lại xem mình đã từng gặp đề nào có ý tương tự hay không cũng như suy nghĩ xem mình có "biết" gì về đề này. Tuy nhiên đây không phải một chiến lược thông minh vì có thể sẽ dẫn đến việc lạc đề. Thay vì đi ngay đến khâu nghĩ ý tưởng, trước hết các bạn nên làm một số thao tác sau:

- Xác định dạng đề (Opinion, discussion…)

- Xác định chủ đề, các keywords trong đề

Đối với đề bài bên trên ta có thể dễ dàng nhận thấy dạng đề là **2-part question** (các bạn nhìn thấy các đề có hai câu hỏi thì xác định chúng thuộc dạng này). Tuy nhiên nếu chúng ta đọc kĩ sẽ thấy được 2 câu hỏi trong đề thực chất là sự lồng ghép của 2 dạng Cause and Effect (Nguyên nhân nào gây ra tình trạng đã nêu) và dạng Opinion (Ai sẽ được lợi hơn từ hoạt động này). Đặc biệt, trong câu hỏi thứ hai ta cần chú ý từ **more.** Điều này có nghĩa chúng ta cần phải có sự so sánh giữa communities (cộng đồng) và young people (những người trẻ) chứ không phải nêu lên "Who benefits" (ai được lợi) đơn thuần.

Bước 2: Brainstorm (Nghĩ ý tưởng cho bài viết)

"Bão não" là một bước không thể thiếu khi viết bài. Rất nhiều bạn cho rằng nên đầu tư thời gian cho việc chau chuốt câu, sử dụng từ nên dành ít thời gian cho việc nghĩ ý. Thực tế là bạn nên dành khoảng 7 – 10 phút cho việc brainstorm. Điều này sẽ giúp các bạn có một bài viết với tư duy logic, mạch lạc, rõ ràng, chính vì thế tiết kiệm thời gian để các bạn có thể đầu tư cho việc sửa từ ngữ, cấu trúc.

Đối với đề bên trên:

Body 1:

Topic sentence: Có rất nhiều lí do cho việc người trẻ ở các nước phát triển đến các nước nghèo hơn để làm các công việc không lương.

=> There is a wide range of factors contributing to the trend of young people doing volunteer works in developing countries.

Supporting idea 1: Ý thức về trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng

=> Young people have developed the sense of responsibily towards the larger communities

Supporting idea 2: Mong muốn được phát triển bản thân về các kinh nghiệm thực tế

=> Young people have intention to enrich their hands-on experience through field activities.

There is a wide range of factors contributing to the trend of young people performing volunteer works in developing countries. First, a significant proportion of these young adults have developed a sense of responsibility towards the larger communities apart from their small ones. The advancement of technology has enabled the young to be exposed to the living condition of the needy via social networks, photos, videos. Consequently, the desire to improve the harsh conditions and alleviate the burden is likely to arsie, thus motivating them to give a helping hand for those residing in less wealthy nations. In addition, many young people long to enrich their hands-on experience through field activities. In fact, it is the scarcity of practical experience that makes the resume of the young less competitive. Therefore, a myriad of them are willing to travel to poor countries to do unpaid works for the sake of experience accumulation.

Vocabulary:

- A wide range of/ a myriad of: đa dạng, nhiều
- contribute: đóng góp, góp phần
- developing countries: các nước đang phát triển => developed countries: các nước phát triển
- a sense of responsibility: ý thức trách nhiệm
- enable somebody to do something: làm cho (ai) có khả năng làm gì

- needy (adj): nghèo túng
- alleviate: làm nhẹ bớt, giảm bớt
- burden: gánh nặng
- to give a helping hand: giúp đỡ
- to long to do something: mong mỏi, ước mong làm gì
- hands-on: practical
- for the sake of: vì lợi ích của
- accumulation: tích lũy, góp nhặt

Như vậy trong bài học hôm nay, Izone đã cùng với các bạn học cách tiếp cận với một đề thi cũng như các bước để viết bài từ khâu lên ý tưởng cho tới hoàn chỉnh đoạn viết. Các bạn hãy áp dụng những gì đã học để viết đoạn body tiếp theo trả lời cho câu hỏi số 2 nhé. Hẹn gặp lại các bạn trong các bài viết tiếp theo của chuyên mục Writing nhé.

WRITING TASK 2 - CẤU TRÚC 1 ĐOẠN VĂN

Xin chào, hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau học về cấu trúc của một đoạn văn nhé?

1/ Why paragraph first? (Tại sao lại học về đoạn văn (paragraph) mà không phải là bài luận (essay)?

Như chúng ta đã biết trong Writing task 2 nhiệm vụ của các bạn là viết một bài luận theo yêu cầu của đề bài. Thực tế, một bài luận được cấu thành từ nhiều đoạn văn nhỏ (thường là khoảng 4-5 đoạn trong Writing task 2 IELTS)
4 đoạn là cách viết truyền thống, được sử dụng thông dụng nhất hiện nay. Cấu trúc này gồm một đoạn mở, một đoạn kết và **2 đoạn thân bài**. Điển hình theo phong cách này là các bài của Simon.

5 đoạn là cách viết khi chúng ta muốn có **3 đoạn thân bài thay vì 2.** Cách viết này sẽ theo trường phái unorthodox hơn và không phải phong cách truyền thống. Điển hình theo phong cách này là Mat Clark.

Cấu trúc của một đoạn cũng có nhiều điểm tương đồng với một bài luận. Nếu như một bài luận gồm có 3 phần chính: Mở bài, thân bài, kết bài thì đoạn văn cũng có các phần với chức năng tương tự, đó là: câu chủ đề (topic sentence), các câu hỗ trợ, giải thích (supporting sentences) và câu kết (concluding sentence).

=> Vì vậy, trước khi tìm hiểu về cách viết một bài chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về một đoạn trước nhé.

2/ What is a paragraph? (Thế nào là một đoạn văn)

Đoạn văn là một nhóm các câu viết về một nội dung (theme nhất định. Các câu trong đoạn cùng kết hợp với nhau để phục vụ cùng một múc đích – giải thích ý chính của tác giả (main idea) – trong đoạn đó.

Trong văn viết học thuật, một đoạn văn thường có độ dài khoảng 4 đến 5 câu. Tuy nhiên số lượng này có thể thay đổi, nhiều lên hoặc ít đi tùy thuộc vào:

Nội dung chính của đoạn

Độ dài và mục đích của từng câu.

Các bằng chứng/ví dụ bạn đưa ra và cơ sở cho bằng chứng/ví dụ này.

=> Các bạn hãy hiểu một paragraph viết tốt là một paragraph được cấu thành bởi các câu mà trong **đó từng câu đều phục vụ một mục đính nhất định**,để phục vụ nội dung chính của bạn trong đoạn đó.

3/ Paragraph organization (Cấu trúc của một đoạn)

Topic sentence (câu chủ đề): Đây là ý chính của cả đoạn. Thông thường câu chủ đề sẽ là câu đầu tiên của đoạn (cách diễn đạt diễn dịch). Đôi khi câu chủ đề lại là câu cuối cùng của đoạn (cách diễn đạt quy nạp). Tuy nhiên cách này không phổ biến bằng cách trước. Câu chủ đề cũng là câu **mang nghĩa chung nhất của cả đoạn**.

Supporting sentences: Đây là những câu hỗ trợ, diễn giải cho ý chính được đưa ra trong câu chủ đề. Nếu như câu chủ đề là câu có ý nghĩa chung, bao quát thì câu supporting lại là những ý tưởng chi tiết hơn diễn giải về câu chủ đề.

Concluding sentence (câu kết luận): Đây thường là câu cuối cùng của đoạn. Tuy nhiên **không bắt buộc** luôn luôn phải có. Câu kết luận thường nhắc lại ý chính được nêu ở câu chủ đề hoặc đưa ra ý kiến của tác giả về chủ đề.

Ví dụ: Ta có chủ đề sau:

It is suggested that everyone wants to have a car, a television and a fridge. Do disadvantages of this development for society outweigh advantages?

Đề bài đưa ra vấn đề như sau:

Mọi người đều muốn có một cái xe ô tô, một cái ti vi và một cái tủ lạnh. Liệu lợi ích của sự phát triển này của xã hội có giá trị hơn so với những lợi ích của nó?

Dưới đây là đoạn văn viết về lợi ích của sự phát triển này:

On the one hand, the possession of modern conveniences contributes a great deal to our civilized daily life. Firstly, cars simplify daily transportation (1). Long distance is no longer a daunting task for travellers as travelling time can be reduced significantly, given the high speed of automobiles and the extensive coverage of road networks (2). Secondly, televisions are considered a helpful medium for entertainments and information alike (3). A myriad of programs be it game shows or reality shows are designed to satisfy the quest for relaxation after hard-working hours (4). Besides, daily news about current affairs is updated round-the-clock, thus keeping viewers informative (5). Lastly, fridges play a vital

role in preserving perishable food, maintaining it in a good condition for an extended amount of time (6).

=> Topic sentence: Câu số 1

On the one hand, the possession of modern conveniences contributes a great deal to our civilized daily life. Firstly, cars simplify daily transportation

=> Supporting sentences: câu số 2;3;4;5;6

=> Concluding sentence: Trong trường hợp này người viết không sử dụng câu kết luận.

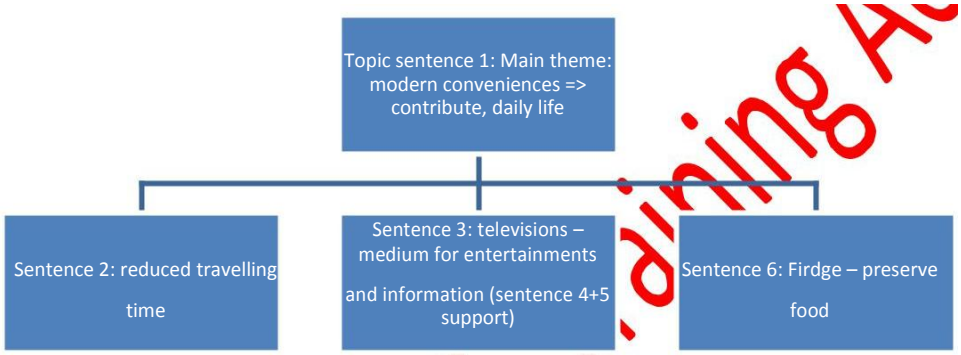

4/ Câu chủ đề (topic sentence)

Câu chủ đề là thành phần đặc biệt quan trọng trong đoạn văn và đây cũng là một trong những điều gây khó khăn cho nhiều bạn. Vậy nên chúng ta sẽ cùng tìm hiểu kĩ hơn một chút về câu chủ đề nhé.

Vị trí: Câu đầu tiên của đoạn văn

Chức năng: Đưa ra ý kiến của tác giả về chủ đề và giúp người đọc hiểu nội dung chính của đoạn văn là gì.

Cấu tạo: Câu chủ đề thường gồm có 2 phần: chủ đề (topic) và ý chính (main idea)

Ví dụ:

Switzerland is a very interesting country to vist

=> Topic: Switzerland

=> Main idea: very interesting country to visit.

Practice

Exercise 1: Chúng ta hãy cùng luyện tập xác định các thành phần của câu chủ đề trong các câu sau nhé:

- Dogs make excellent pet
- Learning a foreign language creates good job opportunities.
- Summer is the best time to travel in my country.
- My hometown is a lovely place to live.

Exercise 2: Đọc các đoạn văn sau. Mỗi đoạn đều thiếu câu chủ đề. Viết câu chủ đề giới thiệu ý chính mỗi đoạn.

_____.

Who takes care of you? Who supports you? Who sees you grow up? Family is very important. My family has six people: my grandma, my parents, myself, and my two brothers. My grandma loves me very much. When the weather is cold, she always tells me to wear more clothes. Although I often argue with my brothers, they will give me support when I need it. My parents have taken care of me since I was born. My definition of family is an organization which is full of love.

_____.

When you travel to Europe, you can visit many different countries, such as England, Spain, Germany, and Greece. Many different languages are spoken in Europe, and the cultures of the countries are all unique. Also, the weather in Europe varies a lot. Countries in the north are very cold, and you can go skiing. In the south, there are beautiful beaches, and these are popular places for vacations. As you can see, Europe is a very interesting place with different kinds of people and many possibilities.

KHÁC BIỆT GIỮA BÀI VIẾT BAND 7.0 VÀ BAND 8.0 – LÀM THẾ NÀO ĐỂ VIẾT MỘT ĐOẠN VĂN MẠCH LẠC & CHẶT CHẼ

Trong nhiều trường hợp, chúng ta gặp 2 bài viết ở cùng một level về từ vựng và ngữ pháp, nhưng lại có sự khác biệt về Band Score: một bài Band 7.0 & một bài Band 8.0. Có nhiều nguyên nhân cho sự khác biệt này, trong đó một trong những lý do chính là tính mạch lạc và chặt chẽ của đoạn văn. Một đoạn văn mạch lạc và chặt chẽ là một đoạn văn sử dụng hiệu quả các ***Cohesive devices***.

Vậy hãy giúp mình trả lời một câu hỏi "Hãy kể tên cohesive devices (phương tiện liên kết câu/đoạn) nào mà bạn biết nhé

– Therefore, since, so, but, and, as a result, on the other hands…?

Đó là câu trả lời phổ biến nhất mà mình thường nhận được trong hầu hết các bài học writing. Những từ kể trên được gọi các linking/transitional words và cũng là các từ mà các bạn cần "dắt túi" để đảm bảo tính mạch lạc, kết nối (cohesion) khi viết bài.

Tuy nhiên, chúng chỉ là MỘT trong những cohesive devices mà ta có thể sử dụng để tạo nên độ cohesion của bài luận. Để đạt được bài viết >= 7.0, bạn cần có những linking devices khác nữa.

Vậy còn có những cohesive devices nào khác nữa?

1. Việc lặp lại các từ quan trọng trong bài (repetition of a key term/phrase)
Repetition? Liệu có phải là một lỗi trong writing?

Câu trả lời là **không** nhé. Thực ra việc lặp lại một số từ quan trọng trong bài là không thể tránh khỏi, đặc biệt khi từ đó là một thuật ngữ rất khó để có thể tìm được một từ thay thế phù hợp. Đặc biệt, việc lặp lại này giúp người đọc sẽ dễ nắm bắt được trọng tâm, thông điệp quan trọng của bài viết.

Ví dụ:

Benefits associated with **globalization** are well noticed in the economic sector. **Globalization** has opened up opportunities for companies to establish transnational business partnership, allowing them to expand their market beyond the country's border.

Globalization - toàn cầu hóa là key word được lặp lại 2 lần trong đoạn trên để thông báo với người đọc biết chủ đề chính của toàn bài và đồng thời cũng tạo ra được mối liên kết giữa hai câu văn trong bài viết.

2. Sử dụng từ đồng nghĩa/gần nghĩa (Synonyms/Near synonyms)

Việc sử dụng từ đồng nghĩa/gần nghĩa không chỉ giúp cho các bạn ăn điểm ở tiêu chí Lexical resources (từ vựng) mà còn giúp bạn tăng tính liên kết trong bài.

Chúng ta có các từ/cụm từ đồng/gần nghĩa sau:

- Free access to song and films = downloading entertainment product free of charge (download nhạc miễn phí)
- Poverty-stricken countries = deprived nations (đất nước nghèo)

Hãy xem người viết đã sử dụng chúng như thế nào để tạo tính cohesive trong bài dưới đây nhé:

Moreover, **free access to songs and films** opens up opportunities to enjoy artworks among residents in **poverty-stricken countries**. These people are constantly kept in the grip of financial hardship and thus struggle to afford even the basic necessities like food or clothes, not to mention paid music or films. Given their circumstances, **downloading entertainment products free of charge** can be seen as the only way for citizens in **deprived nations** to get exposed to a variety of art forms which can enhance the intellectual level of general population and provide an escape from their harsh day-to-day living.

Việc sử dụng các synonyms trên không những giúp cho người tránh được việc lặp từ mà còn giúp tạo nên mối liên hệ cho đoạn văn về mặt idea – cho phép download nhạc, phim miễn phí đem lại lợi ích cho người dân những nước nghèo.

Trong bài viết sau, mình sẽ giới thiệu tiếp với các bạn cách tạo sự mạch lạc bằng referent, substitution, …

KHÁC BIỆT GIỮA BÀI VIẾT BAND 7.0 VÀ BAND 8.0 – LÀM THẾ NÀO ĐỂ VIẾT MỘT ĐOẠN VĂN MẠCH LẠC & CHẶT CHẼ (PHẦN 2)

Các bạn có biết lí do vì sao từ vựng trong nhiều sách luyện thi thường được chia theo các chủ điểm?

Và tại sao những từ chỉ định đơn giản như "This", "that", "these", "those" mà hầu hết chúng mình được dạy từ thuở bập bẹ học tiếng Anh vẫn rất thường xuất hiện trong trong các bài viết cao siêu thần thánh band 8+ của IELTS?
Câu trả lời nằm ở bài chia sẻ dưới đây. Bài viết này nằm trong chuỗi 4 bài chia sẻ về cách tạo tính mạch lạc, liên kết cho bài IELTS writing task 2 của mình.

Hy vọng các bạn vẫn còn nhớ đôi chút về nội dung bài chia sẻ thứ nhất: vai trò của SYNONYMS (từ đồng nghĩa) và việc lặp lại key words trong việc giúp ta ăn điểm coherence (tính mạch lạc).

3. Sử dụng các từ cùng một semantic field (trường nghĩa) hay theme-based vocabularies

Cách này giúp củng cố tính kết nối, mạch lạc cho đoạn văn. Đó cũng là một trong những lí do vì sao chúng ta luôn được khuyên nên học/sử dụng các theme-based vocabularies (từ vựng theo chủ đề) cho bài IELTS writing.

Chúng ta có các từ/cụm từ sau thuộc chủ đề lớn education & career: attend university, high-paying/well-compensated jobs (công việc đem lại nhiều tiền), well-trained (được đào tạo bài bản), high level of expertise (trình độ chuyên môn cao), university degree (bằng đại học), be shortlisted for (được tuyển chọn),

Khi được yêu cầu viết về topic liên quan tới education & career sau:

The motivation for young people today to go on with their university/college education today is merely for getting a well-paid job after graduation. Do you agree or disagree with this view point? (Những người trẻ thời nay đi học đại học chủ yếu là để kiếm việc lương cao. Bạn đồng ý hay không đồng ý với quan điểm này?)

Cùng xem người viết đã sử dụng các từ cùng chủ đề career and education để tập trung làm rõ ý: "học đại học có thể giúp kiếm được công việc lương cao" nhé

On the one hand, the majority of young people **attend university** with a hope to get **well-compensated jobs** afterwards. A belief deeply embedded in the mind of many employers is that university graduates tend to be more **well-trained** and attain a higher **level of expertise** than those without tertiary education. Therefore, those having university degree are more likely to be **shortlisted for** important positions with great earning potentials and promotion prospect in high-profile corporations, allowing them to move up the career ladder easily and reach desired financial status later on in their life.

Như các bạn thấy, tất cả các từ được in đậm trên đều thuộc chủ đề Education & career, được xuất hiện trong hầu hết các câu, nhờ đó người đọc phần nào đó có thể thấy được mối liên hệ giữa các câu trong đoạn văn.

4. Sử dụng Referent

Sử dụng Referent là khi bạn sử dụng một đại từ để thay thế cho một mệnh đề hoặc một câu ở trước đó. Bằng phương pháp này, bạn có thể tránh được việc phải nhắc lại cả một câu hay mệnh đề đó và đặc biệt vẫn có thể đảm bảo được sự liên kết từ câu này sang câu kia.

a. Các đại từ chỉ định (demonstrative) thường được sử dụng:

This/That/these/Those
Ví dụ:

Playing sport can provide adolescents with opportunities to build up **teamwork skills**. **THESE (skills)** can prepare them for their adulthood when they are supposed to work with people from different backgrounds, and of different characteristics.

Ta có thể thấy ***teamwork skills*** được thay thế bằng đại từ ***These***

Chúng ta thường chỉ tập trung vào các content words (các từ mang nội dung) mà không hề biết rằng các functional words như 2 từ “This” và “That” rất lợi hại, chúng ta có thể dùng nó với ý nghĩa là “việc này/ chuyện này” để thay thế cho cả cụm từ đứng trước dấu chấm.

b. Trong trường hợp ta muốn sử dụng dấu phẩy, hãy thay “This” bằng “which”
Ví dụ:

"…opportunities to build up teamwork skills, which can prepare them for their adulthood…"
Lưu ý "these" (những kĩ năng này ở trên) đã được thay thế bằng "which" ở dưới.

HOW TO AVOID PERSONAL LANGUAGES IN ACADEMIC WRITING

Chào các bạn,

Chúng ta đều biết phần thi Writing trong kì thi IETLS đánh giá khả năng sử dụng ngôn ngữ học thuật của người viết, chính vì vậy, để tăng tính học thuật cho bài viết của mình, một phương pháp vừa đơn giản nhưng lại vừa phức tạp là tránh sử dụng các ***Đại từ Nhân xưng (Personal Pronouns)***. Cách này đơn giản là vì có những trường hợp các bạn chỉ cần **điều chỉnh một chút trong câu văn** là được, nhưng đôi khi các bạn sẽ phải **áp dụng những biến đổi phức tạp hơn** để tăng chất lượng câu.

Vậy tại sao chúng ta lại **không nên** sử dụng các đại từ như ***I, You, We*** trong bài viết học thuật?

Một trong những đặc điểm của các bài viết học thuật đó là **sự khách quan (objectivity) và skepticism trong văn tranh luận**. Chính vì vậy, mặc dù đề bài có thể yêu cầu nêu ra quan điểm của BẠN, nhưng về cơ bản vẫn muốn bạn đưa được các ý kiến mang tính khái quát nên việc thu hẹp quan điểm của bài viết trong khuôn khổ của "Tôi" hay "Bạn" sẽ khiến bài viết trở nên chủ quan, từ đó sức thuyết phục đối với người nghe giảm xuống.

Vậy để tránh tình trạng này xảy ra, mình sẽ chia sẻ với các bạn các cách để làm sao không sử dụng các *Đại từ Nhân xưng* mà quan điểm của các bạn vẫn được thể hiện rõ ràng nhất.

Cách 1: Loại bỏ Đại từ Nhân xưng.

Ở một vài trường hợp, bạn đơn giản chỉ cần loại bỏ mệnh đề có chứa Đại từ Nhân xưng là được.

Ví dụ:

Sử dụng Đại từ Nhân xưng	Không sử dụng Đại từ Nhân xưng

I believe e-book will not entirely replace E-book will not entirely replace paper book paper book.	

Các bạn có thể thấy việc loại bỏ Đại từ Nhân xưng trong câu trên khiến câu văn có tính khách quan hơn và giọng văn cũng học thuật hơn.

Cách 2: Sử dụng những từ/cụm từ để đề cập đến quan điểm của bạn một cách khách quan hơn; và cố gắng cụ thể bất cứ khi nào có thể

Bạn nên hạn chế đưa ra những cụm từ mang tính đánh giá cá nhân như: **I think / believe / agree that…, I am sure that …,** hoặc **It is my belief that ….** Có thể bạn thấy trong các bài essays của Simon, những cụm từ này vẫn có thể được sử dụng, nhưng style của Simon thiên về tính đơn giản hóa. Do đó, nếu bạn muốn viết đưa được cái "impersonal tone" của mình vào, thay vì các cụm từ trên, các bạn có thể sử dụng cụm từ: **In light of the evidence, Considering the results, As shown in the diagram, As can be seen …**

Lưu ý: *2 cụm "in light of the evidence" và "considering the results" chỉ nên đưa ra ở kết bài, khi bạn đã đưa ra đưa ra các "evidence" và "results" rồi.*

Ví dụ:

Sử dụng Đại từ Nhân xưng	Không sử dụng Đại từ Nhân xưng
I think that the government should take immediate action to resolve the issues regarding citizens' social welfare.	***Considering the results***, the government should take immediate action to resolve the issues regarding citizens' social welfare.

Bằng cách thay thế 2 cụm từ in nghiêng, câu văn đã mang được tính khái quát hơn so với việc sử dụng Đại từ Nhân xưng.

Cách 3: Sử dụng Câu bị động.

Câu bị động tập trung nhấn mạnh vào hành động hơn là chủ thể gây ra hành động, từ đó giảm tính cá nhân trong câu văn.

Ví dụ:

Sử dụng Đại từ Nhân xưng	Không sử dụng Đại từ Nhân xưng

In ***my*** essay, ***I will outline*** some suggestions as to immigrant control.	In ***this*** essay, some suggestion as to immigrant control ***will be outlined.***

Trong ví dụ trên, chủ thể hành động là "Tôi" nhưng phần thông tin này không quá cần thiết (vì ai cũng biết là bạn viết bài này rồi) nên chúng ta sử dụng câu bị động để tăng sự chú ý vào hành động "outline" – mục đích chính của bài viết của các bạn.

Cách 4: Sử dụng cấu trúc Chủ ngữ giả "It".

Cá nhân mình đánh giá đây là cách viết cực kì hay và đặc trưng của văn hoá Anh. Việc tận dụng được loại câu này giúp bài viết của các bạn vừa khách quan, vừa rất tự nhiên vì theo phong cách của người bản xứ.

Ví dụ:

Sử dụng Đại từ Nhân xưng	Không sử dụng Đại từ Nhân xưng
I completely agree that smoking should be banned in public places.	***It is evident that*** smoking should be banned in public places.

Dưới đây là một vài cụm từ với "It" hữu dụng mà các bạn có thể tham khảo thêm:

It could be argued that

It can be seen that

It was found that

It could be concluded that

It tends to be

It is doubtful that

It has been suggested that

It appears that

It is generally agreed that

It seems that

It is widely accepted that

It is evident that

Lưu ý: các cụm này không tương tương đương nhau, vì vậy chúng ta cần cân nhắc kĩ trước khi sử dụng từng cụm, chứ không sử dụng một cách máy móc.

Ví dụ: Cùng là vấn đề về "banning smoking", nhưng nếu bạn sử dụng 2 câu sau, nghĩa sẽ hoàn toàn khác nhau:

"**It is evident that** smoking should be banned in public places" là thể hiện việc banning smoking ở public places đã quá rõ ràng rồi, không còn gì mà tranh cãi nữa

"**It appears that** smoking should be banned in public places" là thể hiện giọng điệu yếu hơn câu trên, và nó signal với người đọc là bạn đang chuẩn bị đưa ra tranh luận ủng hộ quan điểm cấm hút thuốc nơi công cộng.

***Cách 5*:** Không nên phiếm chỉ độc giả là "YOU".

Có thể nói, đây là một lỗi tương đối phổ biến, đặc biệt là đối với những bạn sĩ tử mới làm quen với cách viết học thuật.

Để tránh mắc phải lỗi này, các bạn nên sử dụng Đại từ "one" (Đại từ, không phải Đại từ Nhân xưng nhé) hoặc các danh từ chỉ chung như "a person/people", hoặc "an individual/individuals" để khái quát quan điểm bản thân lên.

Ví dụ:

Sử dụng Đại từ Nhân xưng	Không sử dụng Đại từ Nhân xưng
With a view to leading a healthy life, ***you*** should work out on regular basis.	*With a view to leading a healthy life,* ***one*** *should work out on regular basis.*

Việc thay thế "Bạn nên" thành "Một người nên" đã khiến giọng văn trở nên chuyên nghiệp và khái quát hơn rất nhiều.

Vậy các bạn có thể thấy, bằng 5 cách tránh sử dụng các Đại từ Nhân xưng trên, câu văn của bài viết đã có "nét" trang trọng rất nhiều.